

**Kết quả điều tra quốc gia về  
Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019  
BÁO CÁO TÓM TẮT**

**HÀNH TRÌNH  
ĐỂ THAY ĐỔI**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

12 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**TỔNG CỤC THỐNG KÊ**

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

**QUỸ DÂN SỐ LIÊN HỢP QUỐC TẠI VIỆT NAM**

304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (2020). Báo cáo tóm tắt: Kết quả Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019 - Hành trình để thay đổi.

*Tôi nói với các chị em:  
“Nếu cảm thấy cuộc sống của mình nhẫn nhịn được thì mình nên nhẫn nhịn.  
Còn không nhẫn nhịn được thì mình phải sống riêng cho mình.  
Không thể nào vì sợ cái tiếng hai, ba đời chồng  
mà phải chôn vùi cái cuộc sống của mình  
ở chỗ ngục tù như vậy”*

*PVS 27, một phụ nữ 43 tuổi trả lời nghiên cứu định tính,  
một phần của Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019*



# MỤC LỤC

Lời nói đầu	9
Lời cảm ơn	11
Chữ viết tắt	13
Giới thiệu	15
<b>KẾT QUẢ</b>	<b>23</b>
1. Bạo lực đối với phụ nữ do chồng/bạn tình gây ra	23
2. Bạo lực đối với phụ nữ do người khác gây ra (không phải chồng/bạn tình)	26
3. Thái độ và nhận thức về vấn đề giới và bạo lực do chồng/bạn tình gây ra	29
4. Hậu quả của bạo lực do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ	32
5. Bạo lực trẻ em, những khía cạnh bạo lực liên thế hệ	34
6. Cách phụ nữ đối phó và ứng phó với việc bị chồng/bạn tình bạo lực	35
7. Thiệt hại kinh tế do bạo lực đối với phụ nữ	37
8. Những yếu tố rủi ro liên quan đến bạo lực phụ nữ do chồng/bạn tình gây ra	38
9. So sánh giữa Điều tra năm 2010 và Điều tra năm 2019	38
10. Kết luận và khuyến nghị	43



# DANH MỤC BẢNG VÀ HÌNH

Bảng 1.	Các định nghĩa được sử dụng trong các Điều tra năm 2010 và 2019 về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam	17
Hình 1.	Minh họa bằng hình ảnh được sử dụng để chia sẻ về việc bị xâm hại tình dục trước năm 15 tuổi	20
Hình 2.	Tỷ lệ phụ nữ có chồng/bạn tình bị bạo lực thể xác, tình dục, tinh thần, kinh tế, và kiểm soát hành vi do chồng/bạn tình gây ra trong đời và trong 12 tháng qua, Việt Nam 2019 (N=5.553)	24
Hình 3.	Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục trong đời và trong 12 tháng qua, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, phân theo nhóm tuổi, Việt Nam 2019 (N=5.553)	25
Hình 4.	Tỷ lệ bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong đời, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, phân theo tình trạng khuyết tật, Việt Nam 2019 (N=5.553)	25
Hình 5.	Tỷ lệ bạo lực thể xác, bạo lực tình dục và/hoặc bạo lực tinh thần diễn ra đồng thời do chồng/bạn tình gây ra, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, Việt Nam 2019 (N=5.553)	26
Hình 6.	Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác do người khác gây ra từ năm 15 tuổi và trong 12 tháng qua, trong số tất cả phụ nữ, theo độ tuổi, Việt Nam 2019 (N=5.976)	27
Hình 7.	Tỷ lệ bạo lực tình dục do người khác gây ra đối với phụ nữ từ năm 15 tuổi và 12 tháng qua, trong số tất cả phụ nữ, phân theo nhóm tuổi, Việt Nam 2019 (N=5.976)	27
Hình 8.	Tỷ lệ phụ nữ bị quấy rối tình dục, trong số tất cả phụ nữ, Việt Nam 2019 (N=5.976)	28
Hình 9.	So sánh tỷ lệ bạo lực do người khác gây ra và bạo lực do chồng/bạn tình gây ra từ năm 15 tuổi, trong số tất cả phụ nữ, Việt Nam 2019 (N=5.976)	29
Hình 10.	Tỷ lệ phụ nữ đồng tình với một số nhận định cụ thể về vai trò giới, theo khu vực, Việt Nam 2019 (N=5.976)	30
Hình 11.	Tỷ lệ phụ nữ đồng ý với quan điểm về “người vợ tốt phải nghe lời chồng kể cả khi bản thân không đồng ý” trong số tất cả phụ nữ, phân theo nhóm tuổi, Việt Nam 2019 (N=5.976)	30
Hình 12.	Tỷ lệ phụ nữ đồng ý việc nam giới đánh vợ/bạn tình là có “lý do chính đáng”, Việt Nam 2019 (N=5.976)	31
Hình 13.	Tỷ lệ phụ nữ tin vào lý do bị bạo lực thể xác do chồng/ bạn tình gây ra, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình bị bạo lực, Việt Nam 2019 (N=1.471)	32

Hình 14.	Tỷ lệ phụ nữ bị các vấn đề sức khỏe tâm thần dựa trên thang điểm Kessler, theo phụ nữ từng bị chồng/ bạn tình bạo lực thể xác và/ hoặc tình dục, Việt Nam 2019 (N=5.553)	33
Hình 15.	Tỷ lệ phụ nữ chịu hệ quả về sức khỏe sinh sản, theo tình trạng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/ hoặc tình dục, trong số phụ nữ từng mang thai, Việt Nam 2019 (N=5.239)	34
Hình 16.	Các vấn đề của trẻ trong độ tuổi 5 -12, theo lời kể của phụ nữ có con trong nhóm tuổi này, phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/ hoặc tình dục, Việt Nam 2019 (N=2.338)	34
Hình 17.	Tỷ lệ bạo lực đối với mẹ đẻ, mẹ chồng/mẹ bạn tình và chính chồng/ bạn tình khi còn nhỏ, theo lời kể của những phụ nữ từng bị chồng/ bạn tình bạo lực thể xác và/ hoặc tình dục, Việt Nam 2019 (N=5.553)	35
Hình 18.	Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục trong đời, không kể với ai, có kể với người khác và/hoặc nơi cung cấp dịch vụ về việc họ bị bạo lực, Việt Nam 2019 (N=1.791)	36
Hình 19.	Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác, tình dục, thể xác và/hoặc tình dục, tinh thần và kiểm soát hành vi trong đời và trong 12 tháng qua, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, khoảng tin cậy trên, dưới 95%, Việt Nam 2010 (N=4.561, tuổi từ 18 - 60) và 2019 (N=5.553, tuổi từ 15 - 64)	39
Hình 20.	Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác trong đời, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, phân theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.561) và 2019 (N=5.553)	39
Hình 21.	Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác trong 12 tháng qua, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, phân theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.561) và 2019 (N=5.553)	40
Hình 22.	Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực tình dục trong đời, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.561) và 2019 (N=5.553)	40
Hình 23.	Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực tình dục trong 12 tháng qua, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.561) và 2019 (N=5.553)	41
Hình 24.	Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác và tình dục do người khác gây ra kể từ năm 15 tuổi và bị lạm dụng tình dục khi còn nhỏ (trước 15 tuổi), trong số tất cả phụ nữ, chia theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.836) và 2019 (N = 5.976)	42
Hình 25.	Tỷ lệ tất cả phụ nữ đồng ý với nhận định “người vợ tốt nên nghe lời chồng cho dù bản thân không đồng ý”, chia theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.836) và 2019 (N = 5.976)	42
Hình 26.	Các lý do được cho là làm nảy sinh bạo lực thể xác do chồng/bạn tình gây ra, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình và đã từng bị bạo lực, Việt Nam 2010 (N=1.393) và 2019 (N=1.471)	43



# LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2010, lần đầu tiên Việt Nam tiến hành Điều tra quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ. Kết quả của Điều tra đã thu hút mối quan tâm đặc biệt của Chính phủ và người dân trước tình trạng bạo lực khá phổ biến đối với phụ nữ, xảy ra trong gia đình - nơi đáng ra phải là chốn an toàn của họ. Kết quả Điều tra cho thấy bạo lực gia đình diễn ra hàng ngày dưới nhiều hình thức, bất kể nạn nhân thuộc dân tộc nào, vị thế kinh tế - xã hội ra sao, hay đang sống ở đâu. Bạo lực xảy ra liên thế hệ và gây ra những thiệt hại kinh tế đáng kể đối với gia đình, cộng đồng và quốc gia. Nguyên nhân sâu xa của bạo lực chính là bất bình đẳng giới. Giống như nhiều quốc gia khác trên thế giới, bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam là một trong những hình thức vi phạm quyền con người phổ biến nhất, và dù đây là một trong những vấn nạn khó xóa bỏ nhất, nhưng không có nghĩa là không thể chấm dứt.

Kể từ sau cuộc Điều tra đó, Chính phủ Việt Nam càng chú trọng hơn trong từng bước hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan, tăng cường thực thi Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (2007) và Luật Bình đẳng giới (2006), thực hiện các chiến dịch truyền thông trên toàn quốc nhằm nâng cao nhận thức của người dân, đồng thời triển khai một số dịch vụ thiết yếu dành cho nạn nhân của bạo lực. Các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội đã hưởng ứng một cách rộng rãi và tích cực tham gia các sáng kiến của Chính phủ cả trong công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực.

Năm 2019, Việt Nam tiến hành Điều tra quốc gia lần thứ hai, sử dụng phương pháp của Điều tra đa quốc gia về Tình hình sức khỏe của phụ nữ và bạo lực gia đình của Tổ chức Y tế thế giới (WHO), có sự điều chỉnh. Phương pháp này trước đây cũng được sử dụng cho Điều tra năm 2010. Điều tra quốc gia năm 2019 là cơ sở để Việt Nam biết được những gì đã và chưa thay đổi, cũng như định hướng phải làm gì để có được thay đổi đúng hướng trong tương lai. Phạm vi của Điều tra lần này được mở rộng hơn, bao gồm mở rộng độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi và từ 60 đến 64 tuổi. Vấn đề bạo lực cũng được nghiên cứu vượt ra ngoài khuôn khổ gia đình, mở rộng tới nơi làm việc và các không gian công cộng khác. Bạo lực đối với các nhóm dân số nữ dễ bị tổn thương nhất của Việt Nam được đặc biệt chú trọng, cụ thể là nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em gái khuyết tật. Các thiệt hại về kinh tế đã được tính toán, cho thấy rõ quốc gia đã thiệt hại bao nhiêu về kinh tế do bạo lực đối với phụ nữ.

Những phát hiện của cuộc Điều tra lần thứ hai cho thấy tính phức tạp của bạo lực đối với phụ nữ. Sau 9 năm kể từ Điều tra đầu tiên, tỷ lệ các hình thức bạo lực phổ biến nhất đối với phụ nữ ở Việt Nam, theo như phụ nữ chia sẻ trong các cuộc phỏng vấn, giảm không đáng kể và bạo lực tình dục lại có xu hướng tăng lên, nhưng cũng có thể do lần này có nhiều phụ nữ chia sẻ cởi mở hơn về vấn đề bạo lực tình dục. Hầu hết phụ nữ Việt Nam vẫn có nguy cơ cao bị một hoặc nhiều hình thức bạo lực do chồng/bạn tình gây ra. Sự khác biệt về tỷ lệ bạo lực ở một số vùng, miền và bạo lực ở một số dân tộc thiểu số đã được lưu ý. Bạo lực đối với phụ nữ dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe, nhân phẩm, sự an toàn của phụ nữ, cản trở sự thăng tiến xã hội và làm giảm năng suất lao động. Mặc dù mức độ phổ biến của bạo lực là khá cao, nhưng bạo lực đối với phụ nữ vẫn ẩn khuất và trầm lắng trong xã hội Việt Nam. Cũng giống như kết quả của Điều tra 9 năm về trước, phụ nữ vẫn giữ im lặng hoặc ít tìm kiếm sự giúp đỡ, chủ yếu là do văn hóa không lên án người gây bạo lực và đổ lỗi cho nạn nhân. Điều tra lần này cũng khẳng định rằng bạo lực là một hành vi có tính tiếp thu: chứng kiến hoặc bị bạo lực khi còn nhỏ là một yếu tố nguy cơ cần được quan tâm, bởi sau này người phụ nữ có thể chấp nhận bị bạo lực hoặc nam giới dễ trở thành người gây ra bạo lực khi họ ở

tuổi trưởng thành. Do đó, cần xác định rõ những hậu quả về tác động có thể có đối với trẻ em như là nạn nhân khi sống trong các hộ gia đình có bạo lực.

Nhưng kết quả điều tra cũng đưa ra những tin tốt. Những phụ nữ trẻ tuổi ít bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác hơn so với những phụ nữ lớn tuổi hơn, và ít người trong số họ đồng tình với quan điểm rằng người vợ phải luôn nghe lời chồng. Rõ ràng đây là hy vọng mới cho sự thay đổi theo chiều hướng tích cực, những phụ nữ trẻ tuổi sẽ là tác nhân của sự thay đổi, nếu tất cả chúng ta cùng nỗ lực phối hợp hỗ trợ họ. Tuy nhiên, để xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái một cách hiệu quả toàn diện, cần phải có phương pháp tiếp cận liên ngành và có tổ chức, thu hút sự tham gia của các tổ chức và cơ quan liên quan. Đây là cách duy nhất có thể mang lại sự thay đổi về chuẩn mực xã hội và thúc đẩy bình đẳng giới.

Báo cáo trình bày những phát hiện chính của “Điều tra quốc gia về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam năm 2019”, tích hợp kết quả nghiên cứu định lượng và định tính về bạo lực cũng như ước tính thiệt hại kinh tế do bạo lực gây ra. Với nhận định về nguyên nhân sâu xa của bạo lực là bất bình đẳng giới, báo cáo này đã phân tích những nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bạo lực cũng như những yếu tố nguy cơ dẫn đến bạo lực. Phát hiện của báo cáo là cơ sở cho việc xây dựng, hoạch định chính sách ở cả cấp quốc gia và địa phương, bởi nếu bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái không được giải quyết ngay lúc này, thì đây sẽ là trở ngại lớn đối với Việt Nam trong việc thực hiện thành công các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) vào năm 2030. Chúng ta phải hành động ngay vì một Việt Nam không còn bạo lực, vì tương lai của Việt Nam mà chúng ta ước vọng. Chúng ta không được để những người phụ nữ, đặc biệt là nạn nhân của bạo lực, bị đơn độc trong quá trình phát triển bền vững của đất nước.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Chính phủ Ôt-xtrây-li-a đã đặt vấn đề bạo lực trên cơ sở giới ở mức quan tâm cao trong chương trình hỗ trợ phát triển của mình và cùng chung tay với Chính phủ Việt Nam và UNFPA hỗ trợ cho Điều tra này. Chúng tôi cũng ghi nhận và chân thành cảm ơn hàng nghìn phụ nữ và trẻ em gái vì đã dũng cảm chia sẻ câu chuyện cuộc đời họ. Nếu không có những câu chuyện đó, thì Điều tra này không thể được tiến hành, bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái sẽ vẫn tiếp tục âm thầm diễn ra và bị che khuất trong cái gọi là các vấn đề riêng tư./.



**Ông Phạm Quang Vinh**  
Phó Tổng cục trưởng  
Tổng Cục Thống kê



**Ông Phạm Ngọc Tiến**  
Vụ trưởng Vụ Bình đẳng giới  
Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội



**Bà Naomi Kitahara**  
Trưởng Đại diện UNFPA  
tại Việt Nam

# LỜI CẢM ƠN

Điều tra quốc gia về Bạo lực đối với phụ nữ do Tổng cục Thống kê (TCTK) thực hiện theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH). Điều tra này được UNFPA hỗ trợ trong khuôn khổ dự án “Hỗ trợ xây dựng và triển khai các chính sách, chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình và giải quyết vấn đề mại dâm dựa trên bằng chứng và cách tiếp cận quyền con người”. Điều tra được đồng tài trợ và hỗ trợ kỹ thuật bởi Chính phủ Ôt-xtrây-li-a thông qua Bộ Ngoại giao và Thương mại (DFAT) và UNFPA.

Một nhóm nghiên cứu nòng cốt đã được thành lập để hỗ trợ kỹ thuật trong suốt quá trình nghiên cứu hoặc hỗ trợ các hợp phần riêng, gồm Tiến sĩ Kristin Diemer (trưởng nhóm), Tiến sĩ Henrica (Henriette) Jansen, Tiến sĩ Nata Duvvury, bà Jessica Gardner, Tiến sĩ Seema Vyas, bà Phan Thị Minh Hiền và bà Hoàng Tú Anh. Nhóm nghiên cứu nòng cốt chịu trách nhiệm phân tích dữ liệu và viết báo cáo. Tiến sĩ Henrica Jansen và bà Jessica Gardner hỗ trợ cuộc Điều tra thông qua Sáng kiến KNOwVAWdata (hợp tác giữa Văn phòng UNFPA khu vực châu Á - Thái Bình Dương và DFAT).

Cuộc Điều tra quan trọng này sẽ không thể thực hiện được nếu không có sự hỗ trợ quý báu của các tổ chức, các cộng tác viên và các chuyên gia khác, những đóng góp, cam kết và tận tụy với công việc của họ đã góp phần to lớn để thực hiện cuộc Điều tra này. Đặc biệt, chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn chân thành tới những cá nhân và các tổ chức sau:

Đầu tiên và trên hết, chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn tới **5.976** phụ nữ đã sẵn lòng đồng ý tham gia phỏng vấn cho điều tra và chia sẻ về những nỗi đau mà chính họ từng phải chịu đựng. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn 269 người tham gia nghiên cứu định tính đã dành thời gian trả lời các câu hỏi và chia sẻ những chuyện đời của họ.

Chúng tôi trân trọng ghi nhận những nỗ lực tuyệt vời của 100 điều tra viên và cán bộ tại địa bàn điều tra, cũng như 5 phỏng vấn viên của nhóm nghiên cứu định tính, những người đã thực hiện hàng nghìn cuộc phỏng vấn với ý thức trách nhiệm để đảm bảo rằng phụ nữ tham gia phỏng vấn được đối xử theo chuẩn mực cao nhất về an toàn và đạo đức.

Chúng tôi cũng xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ tích cực của chính quyền địa phương ở 500 xã của 63 tỉnh/thành phố nơi hợp phần định lượng được tiến hành và trân trọng cảm ơn lãnh đạo địa phương tại 6 xã của 3 tỉnh nơi hợp phần định tính được thực hiện, đặc biệt cảm ơn sự hỗ trợ tích cực của các hội viên Hội Phụ nữ cơ sở và cán bộ của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội ở cấp tỉnh, huyện và xã thực hiện nghiên cứu.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự phối hợp chặt chẽ của cán bộ thống kê công tác tại các Chi cục và Cục Thống kê của 63 tỉnh/thành phố đã hợp tác chặt chẽ với 14 nhóm điều tra trong quá trình điều tra định lượng tại địa bàn.

Chúng tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ông Phạm Ngọc Tiến - Vụ trưởng Vụ Bình đẳng giới, Bà Trần Thị Bích Loan - Phó Vụ trưởng Vụ Bình đẳng giới (Bộ LĐTBXH); Ông Đỗ Anh Kiếm - Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Bà Nguyễn Thị Việt Nga - Thống kê viên chính Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường (TCTK); Bà Mia Urbano - Cố vấn cấp cao về phát triển xã hội và bình đẳng

giới tại Việt Nam và Mi-an-ma; Ông Justin Baguley - Tham tán kinh tế và phát triển, Bà Thân Thị Thiên Hương, Chuyên gia về Giới (Cơ quan DFAT tại Việt Nam).

Điều tra này được ưu tiên hỗ trợ bởi các cán bộ Văn phòng UNFPA khu vực tại Băng-cốc và Văn phòng UNFPA tại Việt Nam. Chúng tôi ghi nhận những đóng góp và sự tận tụy của tất cả các nhân viên UNFPA tham gia Điều tra này với mục tiêu chung là chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ trên toàn thế giới.

# CHỮ VIẾT TẮT

BĐG	Bình đẳng giới
BLGD	Bạo lực gia đình
BLDCBT	Bạo lực do chồng/bạn tình
BLTCSG	Bạo lực trên cơ sở giới
CAPI	Phòng vấn cá nhân có sự trợ giúp của máy tính
CEDAW	Công ước Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ
CPTT	Chi phí trực tiếp
DFAT	Bộ Ngoại giao và Thương mại Ốt-xtrây-li-a
ĐBĐT	Địa bàn điều tra
ĐTV	Điều tra viên
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
K6+	Thang đo mức độ đau khổ về tâm lý Kessler
LĐTBOXH	Lao động - Thương binh và Xã hội
LHQ	Liên hợp quốc
NCCTT	Người cung cấp thông tin chính
PVS	Phòng vấn sâu
SDG	Mục tiêu phát triển bền vững
TCTK	Tổng cục Thống kê
TLNTT	Thảo luận nhóm tập trung
UNCRPD	Công ước LHQ về quyền của người khuyết tật
UNFPA	Quỹ Dân số Liên hợp quốc
VHLSS	Điều tra mức sống hộ gia đình
VND	Đông Việt Nam
WG	Bộ câu hỏi ngắn về khuyết tật của nhóm Washington
WHO	Tổ chức Y tế thế giới



## BỐI CẢNH

Bạo lực đối với phụ nữ là một vấn đề toàn cầu. Xóa bỏ bạo lực là ưu tiên chính của các quốc gia trên toàn thế giới nhằm hướng tới bình đẳng giới. Nghiên cứu cho thấy hầu hết bạo lực đối với phụ nữ là do chồng/bạn tình hoặc người quen biết gây ra. Hầu hết các trường hợp bạo lực thường không được trình báo cho các cơ quan chức năng. Bất bình đẳng giới vừa là nguyên nhân căn bản vừa là hậu quả của bạo lực đối với phụ nữ - bất bình đẳng giới phổ biến hơn ở những nơi mà phụ nữ bị đánh giá thấp so với nam giới và bạo lực đối với phụ nữ vẫn tồn tại, làm cản trở quá trình tăng quyền năng cho người phụ nữ.

Điều tra quốc gia lần thứ nhất đo lường mức độ phổ biến của bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam được thực hiện năm 2009 - 2010 và cuộc Điều tra thứ hai được tiến hành năm 2018 - 2019, Điều tra thứ hai đưa ra các dữ liệu mang tính so sánh với cuộc Điều tra thứ nhất. Báo cáo tóm tắt này tập trung vào kết quả chính của Điều tra năm 2019 và tìm hiểu sâu hơn những khác biệt so với kết quả Điều tra lần thứ nhất cách đây gần một thập kỷ. Đây là Báo cáo tóm tắt của Báo cáo chính mà ở đó có các biểu số liệu và nội dung phân tích chi tiết hơn.

Dữ liệu về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam và phát hiện từ Điều tra này là bằng chứng quan trọng để có được các biện pháp, hành động phù hợp. Mục đích của Điều tra năm 2019 nhằm:

- Ước tính mức độ phổ biến và tần suất của các hình thức bạo lực khác nhau đối với phụ nữ từ 15 đến 64 tuổi do chồng/bạn tình gây ra (gồm cả bạo lực đối với phụ nữ khuyết tật);
- Đo lường mức độ phổ biến, tần suất và nơi xảy ra bạo lực thể xác và tình dục không phải do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ từ năm 15 tuổi trở lên và tỷ lệ bạo lực tình dục do bất kỳ người nào gây ra cho phụ nữ khi còn nhỏ (trước năm 15 tuổi);
- Đo lường thái độ của phụ nữ đối với vai trò giới và bạo lực;
- Đánh giá mức độ ảnh hưởng của bạo lực đối với sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản và sức khỏe nói chung của phụ nữ;
- Đánh giá tác động của bạo lực do chồng/bạn tình gây ra cho con cái và các khía cạnh bạo lực liên thế hệ;
- Đánh giá ứng phó của phụ nữ đối với bạo lực do chồng/bạn tình gây ra (gồm cả cách thức họ đối phó bạo lực);
- Ước tính chi phí trực tiếp phát sinh từ bạo lực do chồng/bạn tình gây ra và tác động của bạo lực tới công việc, năng suất lao động và nền kinh tế của đất nước;
- Đánh giá những yếu tố rủi ro liên quan đến bạo lực do chồng/bạn tình gây ra;
- Xác định những thay đổi về tình trạng bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam kể từ năm 2010.

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN

Điều tra năm 2019 gồm ba hợp phần: hợp phần định tính; hợp phần định lượng và thiệt hại kinh tế do bạo lực đối với phụ nữ.

**Hợp phần định lượng** của Điều tra (“khảo sát”) do Tổng cục Thống kê (TCTK) thực hiện theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) bao gồm việc rà soát và thử nghiệm bảng hỏi, tập huấn cho điều tra viên, điều tra thực địa và xử lý dữ liệu. Hợp phần định lượng bao gồm hoạt động điều tra hộ gia đình ở tất cả sáu vùng miền của Việt Nam và đại diện cho cấp quốc gia. Thiết kế mẫu đa tầng được sử dụng để chọn mẫu với 6.000 hộ gia đình. Tổng số có 5.976 phụ nữ trong độ tuổi từ 15 đến 64 trong các hộ mẫu đã được phỏng vấn trực tiếp bởi những nữ điều tra viên đã được tập huấn bài bản.

**Hợp phần định tính** của Điều tra do Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số (CCIHP) thực hiện. Điều tra định tính tìm hiểu hoàn cảnh mà chồng/bạn tình bạo lực đối với phụ nữ; bổ sung thông tin định tính cho kết quả định lượng; hiểu sâu các vấn đề cốt lõi và làm rõ hơn những kết quả định lượng; đồng thời tìm hiểu những vấn đề không nghiên cứu được bằng phương pháp định lượng. Dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn sâu, phỏng vấn người cung cấp thông tin chính và thảo luận nhóm tập trung. Tổng số 269 người tham gia, gồm cả phụ nữ khuyết tật, phụ nữ dân tộc thiểu số và 11 người cung cấp thông tin chính đã cung cấp thông tin, trải nghiệm của họ cho nghiên cứu định tính. Những phát hiện từ nghiên cứu định tính được trình bày trong báo cáo này bằng **màu xanh dương**<sup>1</sup>.

**Ước tính chi phí của bạo lực đối với phụ nữ** được đồng thực hiện bởi Văn phòng UNFPA tại Việt Nam và các chuyên gia tư vấn trong nước và quốc tế.

Văn phòng UNFPA tại Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý chung cho Điều tra với hỗ trợ kỹ thuật của Sáng kiến kNOwVAWdata (hợp tác giữa Văn phòng UNFPA khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Chính phủ Ôt-xtrây-li-a). Điều tra được hỗ trợ kỹ thuật và tài chính của Chính phủ Ôt-xtrây-li-a thông qua Bộ Ngoại giao và Thương mại (DFAT) và UNFPA.

## CÁC ĐỊNH NGHĨA VỀ BẠO LỰC

LHQ định nghĩa bạo lực đối với phụ nữ là “Bất kỳ hành động bạo lực trên cơ sở giới nào dẫn đến, hoặc có khả năng dẫn đến tổn hại hoặc đau đớn về mặt thể xác, tình dục hoặc tâm lý cho phụ nữ, kể cả việc đe dọa thực hiện các hành động như vậy, ép buộc hoặc tự ý tước đoạt quyền tự do của họ, cho dù xảy ra ở nơi công cộng hay trong cuộc sống riêng tư”. Điều này bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở bạo lực do chồng/bạn tình gây ra về thể xác, tình dục, tâm lý (bao gồm bạo lực tinh thần và hành vi kiểm soát) và bạo lực kinh tế và bạo lực thể xác và tình dục do người khác (không phải là chồng/bạn tình) gây ra. Những hình thức bạo lực đó là trọng tâm của Điều tra này. Trong Điều tra này, từng loại hình bạo lực được đo lường thông qua việc hỏi về từng hành vi cụ thể như liệt kê ở Bảng 1.

<sup>1</sup> Màu xanh dương được chọn là màu ít ảnh hưởng tới việc đọc, không bị mờ chữ và không bị lóa mắt cả ở trên bản giấy in và trên màn hình



**Bảng 1. Các định nghĩa được sử dụng trong các Điều tra năm 2010 và 2019 về bạo lực đối với phụ nữ ở Việt Nam**

(Những cụm từ **màu đỏ** thể hiện những điểm khác biệt giữa hai Bảng câu hỏi)

Loại bạo lực	Điều tra năm 2010	Điều tra năm 2019
<b>Bạo lực thể xác do chồng/bạn tình gây ra</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tát hoặc ném vật gì đó vào chị ấy làm tổn thương chị ấy.</li> <li>b) Đẩy hoặc xô thứ gì vào chị ấy, kéo tóc chị ấy</li> <li>c) Đánh, đấm chị ấy hoặc đánh bằng vật có thể làm chị ấy tổn thương.</li> <li>d) Đá, kéo lê chị ấy, đánh đập chị ấy tàn nhẫn.</li> <li>e) Cố tình bóp cổ, làm nghẹt thở, làm bỏng chị ấy.</li> <li>f) Đe dọa sử dụng hoặc đã sử dụng súng, dao, hoặc các vũ khí khác làm hại chị ấy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tát hoặc ném vật gì đó vào chị ấy làm tổn thương chị ấy.</li> <li>b) Đẩy hoặc xô thứ gì vào chị ấy, kéo tóc chị ấy.</li> <li>c) Đánh, đấm chị ấy hoặc đánh bằng vật có thể làm chị ấy tổn thương.</li> <li>d) Đá, kéo lê chị ấy, đánh đập chị ấy tàn nhẫn.</li> <li>e) Cố tình bóp cổ, làm nghẹt thở, làm bỏng chị ấy?</li> <li>f) Đe dọa sử dụng hoặc đã sử dụng súng, dao, hoặc các vũ khí khác làm hại chị ấy.</li> </ul>
<b>Bạo lực tình dục do chồng/bạn tình gây ra</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) <b>Dùng vũ lực</b> ép chị ấy quan hệ tình dục khi chị ấy không muốn.</li> <li>b) Chị ấy đã từng phải quan hệ tình dục dù không muốn vì chị ấy sợ anh ta có thể gây bạo lực nếu chị ấy từ chối.</li> <li>c) Anh ta bắt chị ấy phải làm những hành động kích dục mà chị ấy không muốn nhưng chị ấy sợ anh ta có thể gây bạo lực.</li> <li>d) <b>Anh ta bắt chị ấy phải quan hệ tình dục với người khác.</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Ép chị ấy quan hệ tình dục khi chị ấy không muốn.</li> <li>b) Chị ấy đã từng phải quan hệ tình dục không mong muốn vì chị ấy sợ anh ta có thể gây bạo lực nếu chị ấy từ chối.</li> <li>c) Anh ta bắt chị ấy phải làm những hành động kích dục mà chị ấy cảm thấy bị làm nhục hoặc bị hạ thấp.</li> </ul>
<b>Bạo lực tinh thần (một phần của bạo lực tâm lý)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Sĩ nhục/lãng mạ chị hoặc làm chị ấy cảm thấy mình tồi tệ.</li> <li>b) Coi thường hoặc làm chị ấy bẽ mặt trước mặt những người khác.</li> <li>c) Đe dọa hay dọa nạt chị ấy bằng bất cứ cách nào, ví dụ như quắc mắt, quát mắng, đập phá đồ đạc.</li> <li>d) Dọa đánh chị ấy hoặc người thân của chị ấy.</li> <li>e) <b>Dọa đuổi chị ấy ra khỏi nhà hoặc đã từng đuổi chị ấy.</b></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Sĩ nhục/lãng mạ chị ấy hoặc làm chị ấy cảm thấy mình tồi tệ.</li> <li>b) Coi thường hoặc làm chị ấy bẽ mặt trước mặt những người khác.</li> <li>c) Đe dọa hay dọa nạt chị ấy bằng bất cứ cách nào, ví dụ như quắc mắt, quát mắng, đập phá đồ đạc.</li> <li>d) Dọa đánh chị ấy hoặc người thân của chị ấy.</li> </ul>

Loại bạo lực	Điều tra năm 2010	Điều tra năm 2019
<b>Các hành vi kiểm soát (một phần của bạo lực tâm lý)</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cho chị ấy gặp gỡ bạn bè.</li> <li>b) Hạn chế chị ấy liên lạc với gia đình bố mẹ đẻ của chị ấy.</li> <li>c) Khăng khăng muốn biết chị ấy ở đâu vào bất cứ khi nào.</li> <li>d) <b>Phớt lờ chị ấy và đối xử thờ ơ với chị ấy.</b></li> <li>e) Tức giận nếu chị ấy nói chuyện với người đàn ông khác.</li> <li>f) Luôn nghi ngờ chị ấy không chung thủy.</li> <li>g) Yêu cầu chị ấy phải có sự đồng ý của anh ta khi chị ấy muốn đi khám chữa bệnh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Không cho chị ấy gặp gỡ bạn bè.</li> <li>b) Hạn chế chị ấy liên lạc với gia đình bố mẹ đẻ của chị ấy.</li> <li>c) Khăng khăng muốn biết chị ấy ở đâu vào bất cứ khi nào.</li> <li>d) Tức giận nếu chị ấy nói chuyện với người đàn ông khác.</li> <li>e) Luôn nghi ngờ chị ấy không chung thủy.</li> <li>f) Yêu cầu chị ấy phải có sự cho phép của anh ta khi chị ấy muốn đi khám chữa bệnh.</li> </ul>
<b>Bạo lực kinh tế</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Lấy đi những gì chị ấy đã kiếm hoặc tiết kiệm được.</li> <li>b) Từ chối đưa tiền cho chị ấy.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) <b>Ngăn cản chị ấy tìm việc, đi làm, buôn bán, kiếm tiền hoặc tham gia vào những việc tạo ra thu nhập.</b></li> <li>b) Lấy tiền chị ấy kiếm được dù chị ấy không đồng ý.</li> <li>c) Từ chối đưa chị ấy tiền để chi trả cho sinh hoạt gia đình ngay cả khi anh ta có tiền chi tiêu cho các việc khác (như rượu và thuốc lá).</li> <li>d) <b>Ép buộc nghĩa vụ tài chính với chồng/gia đình bên chồng<sup>2</sup>.</b></li> <li>e) Yêu cầu chị ấy phải có sự cho phép của anh ta mới được có các khoản chi tiêu cho cá nhân của chị<sup>3</sup>.</li> </ul>
<b>Bạo lực thể xác do người khác gây ra</b>	<p>Từ 15 tuổi, chị ấy đã bị ai đó không phải là chồng/bạn tình đánh đập hoặc ngược đãi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) <b>Tát, đánh, đấm đá, hoặc hành động gì đó khiến chị ấy bị đau.</b></li> <li>b) <b>Ném gì đó vào chị ấy, đẩy chị ấy hoặc túm tóc chị ấy.</b></li> <li>c) <b>Cố tình khiến chị ấy ngạt thở/bóp cổ hay làm bỏng chị ấy.</b></li> <li>d) <b>Dùng hoặc đe dọa dùng súng, dao hay các loại vũ khí khác làm chị ấy bị thương.</b></li> </ul>

<sup>2</sup> Hành vi này ban đầu không được đưa vào bảng câu hỏi của WHO nhưng đã được thêm vào bảng câu hỏi của Việt Nam.

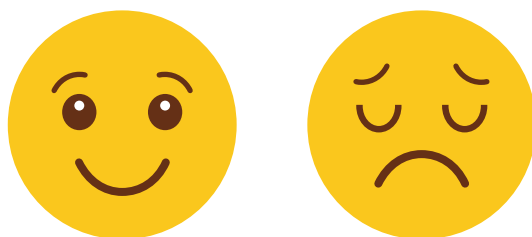
<sup>3</sup> Hành vi này ban đầu không được đưa vào bảng câu hỏi của WHO nhưng đã được thêm vào bảng câu hỏi của Việt Nam.

Loại bạo lực	Điều tra năm 2010	Điều tra năm 2019
<b>Bạo lực tình dục do người khác gây ra</b>	Từ 15 tuổi, chị ấy bị ai đó (ĐỐI VỚI PHỤ NỮ HIỆN CÓ HOẶC TỪNG CÓ CHỒNG/BẠN TÌNH) ép quan hệ tình dục hoặc làm các hành động kích dục mà chị ấy không muốn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>a) Cố ép chị ấy quan hệ tình dục khi chị ấy không muốn.</li> <li>b) Buộc chị ấy phải quan hệ tình dục khi chị ấy say rượu hoặc phê ma túy mà không thể từ chối.</li> <li>c) Ép buộc hoặc thuyết phục chị ấy quan hệ tình dục với nhiều người đàn ông cùng một lúc khi chị ấy không muốn.</li> <li>d) Chủ ý ép buộc chị ấy quan hệ tình dục khi chị ấy không muốn, ví dụ như bằng cách ghì chặt chị ấy xuống hoặc đặt chị ấy vào tình huống mà chị ấy không thể từ chối.</li> <li>e) Chạm vào người chị ấy một cách dâm ô mà chị ấy không muốn.</li> <li>f) Bắt chị ấy chạm vào những bộ phận kín/nhạy cảm của họ mà chị không muốn.</li> </ul>
<b>Bạo lực thể xác khi còn nhỏ*</b>	Không hỏi	<p>Khi chị ấy còn nhỏ (trước khi 15 tuổi), có ai trong gia đình chị ấy đã từng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tát hoặc phát chị ấy (bằng tay)</li> <li>b) Đánh, đá hoặc đấm chị ấy</li> <li>c) Đánh chị ấy bằng dây lưng, gậy, chổi hoặc vật khác</li> <li>d) Trói chị ấy bằng dây</li> <li>e) Thường xuyên sỉ nhục hoặc hạ nhục chị ấy</li> <li>f) Thường xuyên chửi mắng chị ấy</li> </ul>
<b>Lạm dụng tình dục khi còn nhỏ*</b>	Trước 15 tuổi, có ai đó đã chạm vào chị ấy một cách dâm ô hoặc bắt chị ấy làm những hành động kích dục mà chị ấy không muốn.	Trước 15 tuổi, có ai đó đã chạm vào chị ấy một cách dâm ô hoặc bắt chị ấy làm những hành động kích dục mà chị ấy không muốn.

\* Cuối buổi phỏng vấn, người tham gia phỏng vấn được ĐTV đưa màn hình máy tính bảng và yêu cầu tự lựa chọn khuôn mặt buồn hay vui. Cũng dùng câu hỏi đó hỏi về tình trạng xâm hại tình dục lúc người được hỏi chưa đến 15 tuổi, yêu cầu người đó đánh dấu vào khuôn mặt đang cười nếu việc này chưa xảy ra với họ và đánh dấu vào khuôn mặt buồn nếu việc này đã xảy ra. Người phỏng vấn không biết người được hỏi chọn khuôn mặt nào (xem Hình 1).

## Hình 1. Minh họa bằng hình ảnh được sử dụng để chia sẻ về việc bị xâm hại tình dục trước năm 15 tuổi

Khuôn mặt vui/cười, câu trả lời là “không, điều đó không xảy ra”;  
khuôn mặt buồn, câu trả lời là “có, điều đó có xảy ra”



## CÁC GIAI ĐOẠN THAM CHIẾU

Đối với mỗi hành vi bạo lực mà người phụ nữ cho biết đã xảy ra với họ, thì họ sẽ được hỏi liệu hành vi đó đã từng xảy ra hay không (bạo lực trong đời), nếu câu trả lời là có, thì họ sẽ được hỏi tiếp liệu hành vi đó có xảy ra trong 12 tháng qua không. Bạo lực xảy ra trong 12 tháng qua được coi là bạo lực hiện thời do chồng/bạn tình gây ra. Cả hai giai đoạn tham chiếu có vai trò quan trọng vì sẽ cho ta biết về những khía cạnh khác nhau của vấn đề.

## ĐỊNH NGHĨA VỀ CHỒNG/BẠN TÌNH

Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình của Việt Nam, người phụ nữ bị bạo lực gia đình là do chồng/bạn tình hiện tại hoặc chồng/bạn tình cũ gây ra nếu cô ấy sống chung với anh ta (chung sống như vợ chồng). Trong Điều tra này, phụ nữ được coi là có chồng/bạn tình nếu họ đã từng kết hôn, từng chung sống như vợ chồng hoặc đã từng hẹn hò với bạn tình (bạn trai).

## TUYỂN CHỌN VÀ TẬP HUẤN ĐIỀU TRA VIÊN

Một trong các bước nhằm đảm bảo rằng phụ nữ sẽ kể về bạo lực và qua đó thu thập được dữ liệu có chất lượng là việc tuyển chọn kỹ lưỡng và tập huấn chuyên biệt ở cấp quốc gia cho ĐTV<sup>4</sup>. Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Ban Quản lý Dự án của Bộ LĐTBXH đã tuyển chọn và tập huấn 100<sup>5</sup> điều tra viên (ĐTV) cho cuộc điều tra hộ gia đình.

ĐTV phải là phụ nữ ở lứa tuổi từ 25 đến 55 và có kinh nghiệm điều tra. Những kỹ năng cần có gồm khả năng tương tác với tất cả mọi người; không định kiến; chín chắn và có kinh nghiệm sống; có kỹ năng giao tiếp tốt để tạo niềm tin với người được phỏng vấn; có kinh nghiệm xử lý những vấn đề nhạy cảm và phải biết sử dụng thành thạo máy tính bảng (CAPI).

Tập huấn diễn ra trong hai tuần, từ ngày 29 tháng 10 đến ngày 09 tháng 11 năm 2018. Tập huấn gồm những nội dung về nhạy cảm giới và các vấn đề bạo lực, tập huấn về kỹ thuật phỏng vấn, thảo luận bảng câu hỏi (giải thích từng câu hỏi), làm quen với hệ thống CAPI và sau đó thực hành phỏng vấn tại hội trường và điều tra thí điểm thực địa.

## NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý VỀ ĐẠO ĐỨC VÀ AN TOÀN

Do tính chất nhạy cảm của chủ đề nghiên cứu nên các khuyến cáo về đạo đức và an toàn do WHO<sup>6</sup> thiết kế được áp dụng nghiêm ngặt trong tất cả các khâu điều tra về bạo lực đối với phụ nữ. Đối với

<sup>4</sup> Jansen HAFM và CS. Tập huấn điều tra viên trong Nghiên cứu đa quốc gia của WHO về Sức khỏe phụ nữ và Bạo lực gia đình. Bạo lực đối với gia đình, 2004, 10(7):831-849.

<sup>5</sup> 113 điều tra viên tiềm năng được tập huấn, 100 người trong số họ được lựa chọn để làm ĐTV

<sup>6</sup> WHO 2001. Phụ nữ là số một: Khuyến nghị về an toàn và đạo đức với các nghiên cứu về bạo lực đối với phụ nữ. Geneva, Tổ chức Y tế Thế giới. [http://whqlibdoc.who.int/hq/2001/WHO\\_FCH\\_GWH\\_01.1.pdf](http://whqlibdoc.who.int/hq/2001/WHO_FCH_GWH_01.1.pdf)

phụ nữ từng bị bạo lực, sự tham gia của họ trong cuộc Điều tra có thể làm cho họ bị bạo lực thêm, hoặc làm cho họ hay ĐTV gặp nguy hiểm. Các yêu cầu về đạo đức và an toàn bao gồm:

- **Tên gọi an toàn:** Khi xây dựng kế hoạch và thu thập số liệu trên thực địa, Điều tra này luôn được gọi là Điều tra về Sức khỏe phụ nữ và Kinh nghiệm cuộc sống 2019 mà không đề cập đến bạo lực. Tên gọi này cho phép ĐTV và người cung cấp thông tin giải thích về cuộc điều tra với những người khác mà không nói tới bạo lực.
- **Thỏa thuận bảo mật thông tin:** Tất cả ĐTV tham gia khảo sát đều ký một thỏa thuận bảo mật thông tin, được coi như một phần của hợp đồng công việc.
- **Đồng thuận tham gia điều tra:** Tính bảo mật của thông tin, sự tự nguyện tham gia, quyền từ chối trả lời bất cứ câu hỏi nào hoặc dừng phỏng vấn bất kỳ lúc nào đã được giải thích rõ cho những phụ nữ được lựa chọn trước khi phỏng vấn, và có sự đồng thuận của họ trước khi bắt đầu khảo sát.
- **Bảo mật:** Chỉ có đội trưởng được biết danh sách tên những phụ nữ tham gia điều tra. Toàn bộ dữ liệu hàng ngày được gửi về máy chủ và xóa toàn bộ dữ liệu trên thiết bị CAPI.
- **Hỗ trợ cho điều tra viên:** Giám sát và các thủ tục hỗ trợ cho đội điều tra tại địa bàn phải sẵn sàng để đảm bảo ĐTV được an toàn cả về thể chất và tinh thần.
- **Hỗ trợ người cung cấp thông tin:** Các thông tin chung về bạo lực gia đình và các dịch vụ hiện có dành cho phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam được biên soạn, in ấn và phát cho từng người kèm theo rất nhiều thông tin về các dịch vụ khác.
- **Mỗi hộ gia đình chỉ chọn một phụ nữ:** Nếu ở những hộ gia đình có nhiều phụ nữ đủ điều kiện để tham gia điều tra, thì chỉ có một người được chọn ngẫu nhiên, do đó các thành viên khác của hộ gia đình không thể biết về nội dung của các cuộc phỏng vấn.
- **Địa điểm thực hiện phỏng vấn:** Phỏng vấn được thực hiện ở một địa điểm riêng, an toàn. Tất cả phụ nữ được lựa chọn tham gia nghiên cứu đều nhận được giấy mời đến một cơ quan của xã như Trạm y tế hay Nhà văn hóa để phỏng vấn vào những thời gian cụ thể để tránh việc họ phải chờ đến lượt hoặc đến đúng lúc người khác đang trả lời phỏng vấn.
- **Tập huấn điều tra viên:** Các ĐTV được tập huấn về cách làm cho hoạt động phỏng vấn được diễn ra an toàn, yên tĩnh và tin cậy để người được phỏng vấn cảm thấy thoải mái.
- **Thay đổi địa bàn phỏng vấn theo từng ngày:** Các nhóm ĐTV không được phép nghỉ đêm ở xã vừa được phỏng vấn xong, nhất là ở khu vực nông thôn, bởi vì người địa phương có thể hỏi họ rất nhiều điều về phạm vi của điều tra và việc đó có thể tạo ra tình thế căng thẳng.



# KẾT QUẢ

## 1. BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DO CHỒNG/BẠN TÌNH GÂY RA

Trong Điều tra này, phụ nữ được coi là có chồng/bạn tình nếu họ đã từng kết hôn, đã sống chung với người khác, đã từng có chồng chưa cưới hoặc hẹn hò với đối tác nam (bạn trai). Gần như tất cả phụ nữ (97%) đã từng có bạn tình và đã kết hôn. Do đó, bạo lực do chồng/bạn tình gây ra ở Việt Nam chủ yếu là nói đến bạo lực do chồng gây ra.

Bạo lực do chồng/bạn tình gây ra được đề cập là đối với người 'từng có chồng/ bạn tình' vì chỉ nhóm phụ nữ này được hỏi về tình trạng bạo lực do chồng/ bạn tình gây ra. Nhóm phụ nữ này được gọi là 'phụ nữ từng có chồng/bạn tình' – trong đó có 5.553 người nằm trong mẫu khảo sát<sup>7</sup>.

### Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực

Trong năm 2019, cứ 3 phụ nữ thì có gần 2 phụ nữ (62,9%) từng chịu ít nhất một hình thức bạo lực thể xác, tình dục, tinh thần hay kinh tế, hay kiểm soát hành vi do chồng/bạn tình gây ra trong đời; tỷ lệ bạo lực hiện thời (trong 12 tháng qua) là 31,6%.

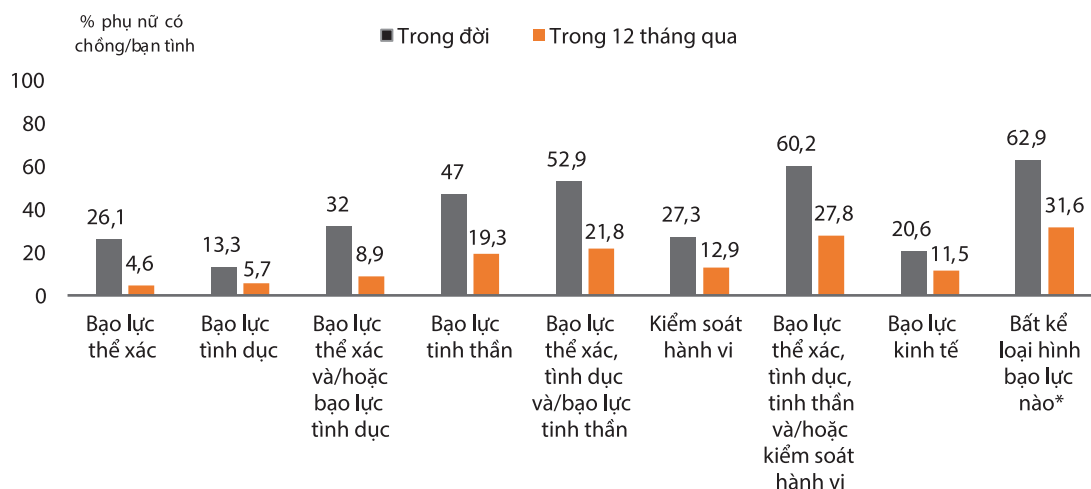
Cứ 4 phụ nữ từng có chồng/bạn tình thì có một phụ nữ (26,1%) bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác trong đời (bạo lực trong đời) và cứ 20 phụ nữ thì có 1 phụ nữ (4,6 %) bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác trong 12 tháng qua (bạo lực hiện thời) (Hình 2).

13,3% phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực tình dục trong đời và 5,7% phụ nữ đề cập đến việc mình bị bạo lực tình dục hiện thời (trong 12 tháng qua).

Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục là thước đo được sử dụng nhiều nhất về bạo lực do chồng/bạn tình gây ra, đặc biệt là để so sánh quốc tế và giám sát theo thời gian. Ở Việt Nam, cứ ba phụ nữ thì có một phụ nữ (32,0%) đã bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục trong đời và 8,9% bị bạo lực này hiện thời (trong 12 tháng qua). Những tỷ lệ này ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị.

<sup>7</sup> Điều tra 2019 được tiến hành với nhóm phụ nữ ở khoảng tuổi rộng hơn Điều tra 2010. Phân tích so sánh theo các nhóm tuổi khác nhau được trình bày ở Phần 13 của báo cáo chính.

**Hình 2. Tỷ lệ phụ nữ có chồng/bạn tình bị bạo lực thể xác, tình dục, tinh thần, kinh tế, và kiểm soát hành vi do chồng/bạn tình gây ra trong đời và trong 12 tháng qua, Việt Nam, 2019 (N=5.553)**



\* Bất kể loại hình bạo lực nào bao gồm ít nhất một trong những hình thức sau: bạo lực thể xác, tình dục, tinh thần, kinh tế hoặc kiểm soát hành vi

Bạo lực tâm lý bao gồm bạo lực tinh thần và kiểm soát hành vi. Bạo lực tinh thần do chồng/bạn tình gây ra là hình thức bạo lực phổ biến nhất mà phụ nữ Việt Nam đề cập - gần một nửa số phụ nữ từng có chồng/bạn tình (47,0%) đã bị bạo lực tinh thần trong đời.

Cứ năm phụ nữ Việt Nam thì có một phụ nữ (20,6%) bị chồng/bạn tình bạo lực kinh tế trong đời và cứ mười phụ nữ thì có một phụ nữ (11,5%) bị bạo lực này hiện thời (trong 12 tháng qua). Hơn một phần tư (27,3%) phụ nữ cho biết họ phải chịu một hoặc nhiều hành vi kiểm soát từ chồng/bạn tình trong đời và 12,9% bị bạo lực này hiện thời (trong 12 tháng qua).

Phát hiện định tính cho thấy vấn đề đằng sau những con số. Chị Mai<sup>8</sup> trước kia đã làm cán bộ xã và thành viên của nhóm hòa giải xã. Chị vừa kể câu chuyện cuộc đời mình vừa chỉ vào những vết sẹo trên cơ thể, trong đó có cả một vết sẹo to trên mặt.

*Vết sẹo này là do anh ấy dùng dao rựa chém. Con dao rựa này là dao chặt mía nên rất sắc. Anh ấy chém tôi khi tôi đang mang bầu bé thứ hai. Anh ấy cắt đứt gân ở mắt cá chân nên tôi phải đi viện khâu nối. Sự việc xảy ra cách đây 20 năm. Vết sẹo trên lưng tôi là khi anh ấy đánh tôi lúc tôi đang ngủ. Tôi đã bị gãy xương. Tôi tự mua thuốc uống. Chiều hôm đó tôi vẫn đến trường đi dạy. Tôi đạp xe bằng một chân. Mất ba tháng tôi mới lành vết thương. Nói chung dấu vết bạo lực của anh ấy ở trên khắp cơ thể tôi. Mặt tôi nhìn giống như tấm bản đồ với nhiều đường, rãnh. Anh ấy đã chém và làm gãy chân, tay tùm lùm). - Chị Mai, một phụ nữ 54 tuổi.*

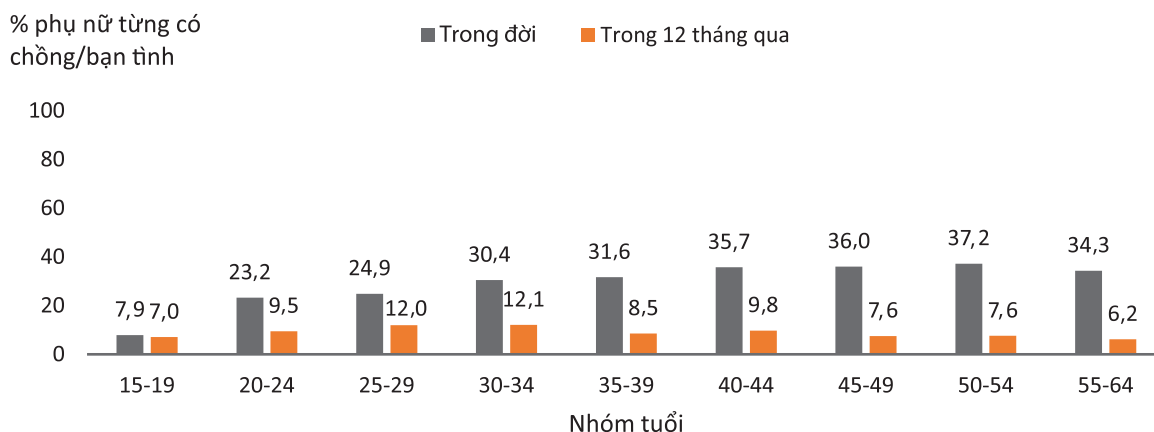
## Những khác biệt theo nhóm tuổi và tình trạng khuyết tật

Về việc bị bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục trong đời nói chung của phụ nữ ở các nhóm tuổi khác nhau được thể hiện trong Hình 3. Số liệu trong hình cho thấy phụ nữ trẻ trong độ tuổi từ 20 đến 44 bị bạo lực hiện thời (trong 12 tháng qua) nhiều hơn, và tính gộp thành tỷ lệ bị bạo lực trong đời cao hơn đối với phụ nữ từ 40 tuổi trở lên. Hơn một phần ba phụ nữ Việt Nam ở các nhóm tuổi từ 40 tuổi trở lên cho biết từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục trong đời.

<sup>8</sup> Toàn bộ tên riêng trong báo cáo này được thay đổi để bảo vệ nạn nhân.



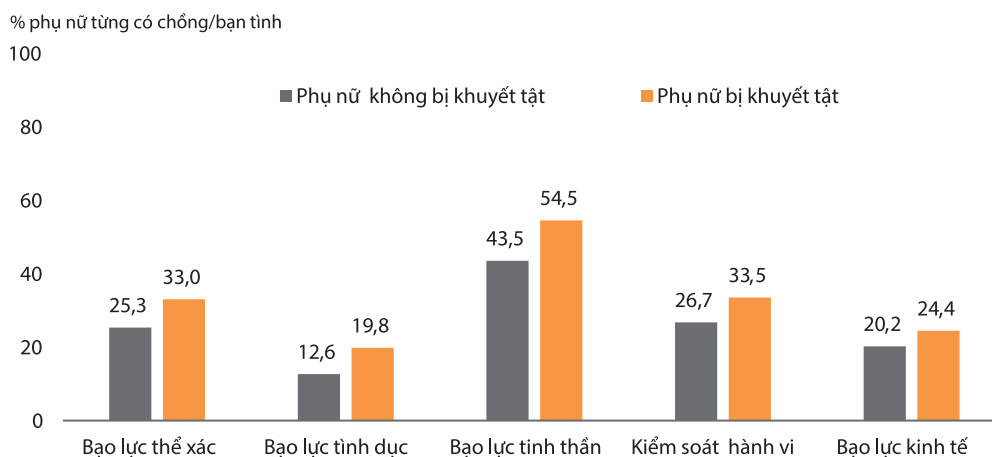
**Hình 3. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục trong đời và trong 12 tháng qua, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, phân theo nhóm tuổi, Việt Nam 2019 (N=5.553)**



9% phụ nữ trong mẫu cho biết họ có một số dạng khuyết tật chức năng, được xác định theo bộ câu hỏi ngắn về khuyết tật của Nhóm Washington. Người phụ nữ được xác định là khuyết tật nếu họ tự cho biết gặp “rất nhiều khó khăn” hoặc “không thể làm được gì”<sup>9</sup> ở một trong sáu chức năng như nghe, nhìn, đi lại, ghi nhớ, tự chăm sóc bản thân hoặc giao tiếp.

Tất cả các hình thức bạo lực do chồng/bạn tình gây ra đối với phụ nữ khuyết tật đều cao hơn so với phụ nữ không khuyết tật (Hình 4). Một phần ba phụ nữ khuyết tật (33,0%) từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác so với một phần tư (25,3%) phụ nữ không bị khuyết tật.

**Hình 4. Tỷ lệ bạo lực do chồng/bạn tình gây ra trong đời, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, phân theo tình trạng khuyết tật, Việt Nam 2019 (N=5.553)**



Chị Hoa có một cửa hàng nhỏ. Chồng chị khiếm thị và là người dân tộc Tày. Mặc dù trong gia đình, chị Hoa là người kiếm tiền nhưng người chồng lại kiểm soát tiền và còn đánh chị. Chị Hoa không thể nói với ai vì không ai tin chị. Những người khác không tin rằng chị Hoa, một người ngồi xe lăn, có thể bị người đàn ông khiếm thị đánh.

Chị Hoa cũng bị chồng bạo lực tình dục. Chị không thể di chuyển nhanh và chị ấy cảm mình yếu thế trong tình dục. Vì vậy, việc này làm chị ấy xấu hổ hơn khi nói về tình dục. Vì vậy, chị Hoa chưa bao giờ nói về sự chịu đựng của mình với bất cứ ai. - PVS 1, một phụ nữ 37 tuổi người dân tộc Nùng.

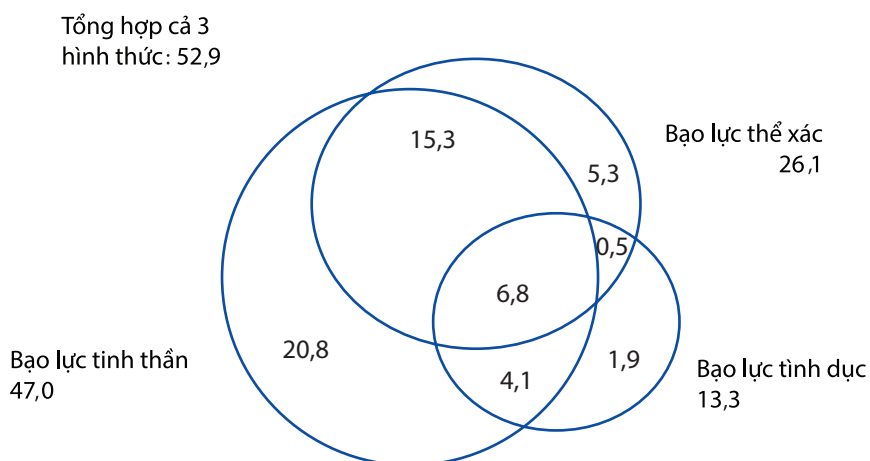
<sup>9</sup> Như được đo lường ở thang điểm số 4

## Bạo lực thể xác, bạo lực tình dục và bạo lực tinh thần diễn ra đồng thời do chồng/bạn tình gây ra

Sự chồng lấn giữa các hình thức bạo lực khác nhau do chồng/bạn tình gây ra cho thấy những hình thức bạo lực điển hình nào thường xảy ra cùng một lúc. Các cách đo lường tin cậy nhất được sử dụng để đo lường bạo lực do chồng/bạn tình gây ra - bạo lực thể xác, tình dục và tinh thần - cho thấy ở Việt Nam các hình thức bạo lực khác nhau thường đi kèm với nhau.

Nhìn chung, hơn một nửa số phụ nữ từng có chồng/bạn tình (52,9%) đã phải chịu đựng ít nhất một hình thức bạo lực thể xác, tình dục và/hoặc tinh thần do chồng/bạn tình hiện tại hoặc trước đây gây ra. Hình 5 cho thấy có sự chồng lấn đáng kể giữa bạo lực thể xác và bạo lực tinh thần, với gần một phần tư số phụ nữ (22,1%) đã bị cả hai hình thức bạo lực này. Số phụ nữ bị bạo lực tình dục đi kèm với bạo lực tinh thần (10,9% phụ nữ) cao hơn so với bạo lực tình dục đi kèm với bạo lực thể xác (7,3% số phụ nữ).

**Hình 5. Tỷ lệ bạo lực thể xác, bạo lực tình dục và/hoặc bạo lực tinh thần diễn ra đồng thời do chồng/bạn tình gây ra, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, Việt Nam 2019 (N=5.553)**



## 2. BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ DO NGƯỜI KHÁC GÂY RA (KHÔNG PHẢI CHỒNG/BẠN TÌNH)

Điều tra này cũng tìm hiểu việc phụ nữ từng bị bạo lực thể xác và tình dục do người khác không phải chồng/bạn tình gây ra, ở đây được gọi là “người khác” (bao gồm cả người gây bạo lực là nam và nữ). Các câu hỏi này được dùng để hỏi tất cả 5.976 phụ nữ tham gia khảo sát, cho dù họ đã từng kết hôn/có bạn tình hay chưa.

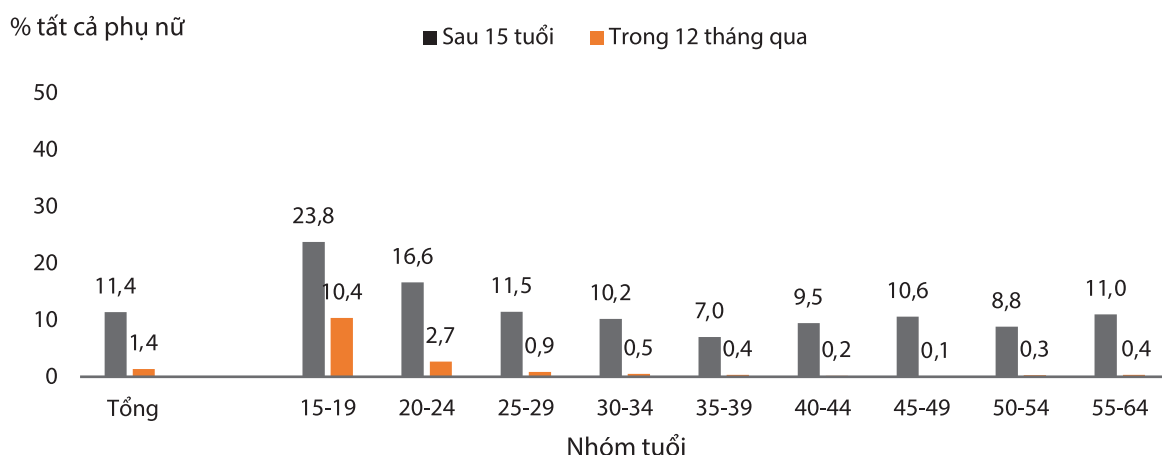
### Bạo lực thể xác do người khác gây ra từ năm 15 tuổi

Cứ mười phụ nữ thì có một phụ nữ (11,4%) từng bị bạo lực thể xác do người khác gây ra từ năm 15 tuổi. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác do người khác gây ra trong 12 tháng qua là 1,4%.

Phần lớn bạo lực do người khác gây ra đối với phụ nữ là nam giới (60,6%) và hơn một phần ba (1/3) phụ nữ (35,4%) từng bị người khác là nam giới trong gia đình bạo lực.

Phụ nữ trẻ trong độ tuổi từ 15 đến 19 có tỷ lệ bị người khác bạo lực thể xác cao nhất. Gần một phần tư số phụ nữ (23,8%) xác nhận từng bị bạo lực thể xác từ năm 15 tuổi và cứ mười phụ nữ thì có một phụ nữ nói rằng họ từng bị bạo lực này trong 12 tháng qua (10,4%). Những tỷ lệ này cho thấy hình thức bạo lực này đặc biệt ảnh hưởng tới nhóm phụ nữ trẻ tuổi hơn (Hình 6).

**Hình 6. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác do người khác gây ra từ năm 15 tuổi và trong 12 tháng qua, trong số tất cả phụ nữ, theo độ tuổi, Việt Nam 2019 (N=5.976)**



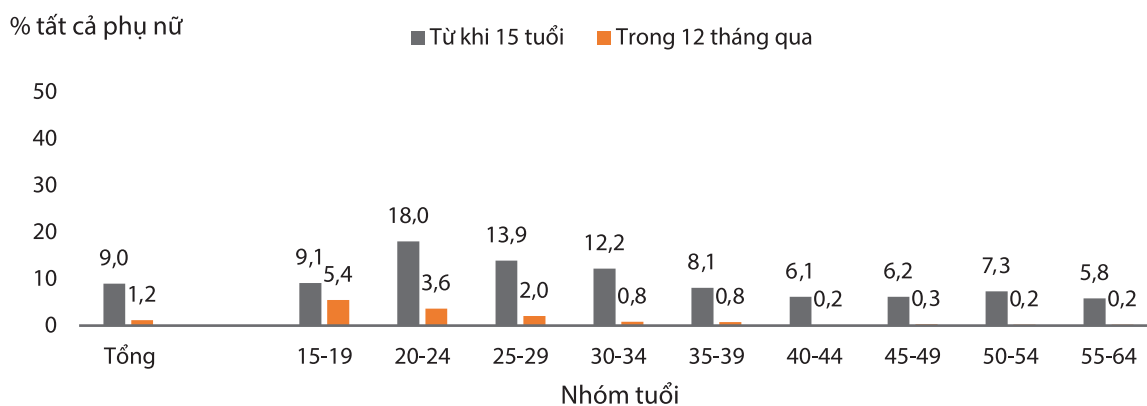
### Bạo lực tình dục do người khác gây ra từ năm 15 tuổi

Bạo lực tình dục bao gồm hành vi do người khác ép buộc quan hệ tình dục trái với ý muốn của phụ nữ, bị ép quan hệ tình dục khi phụ nữ quá say rượu hoặc phê ma túy mà không đủ khả năng từ chối, và/hoặc ép buộc hoặc thuyết phục phụ nữ quan hệ tình dục với nhiều đàn ông cùng một lúc. Bạo lực tình dục cũng gồm cả việc toan tính cưỡng bức tình dục, sờ soạng dâm ô trái với ý muốn của nạn nhân và/hoặc bắt nạn nhân chạm vào vùng kín trái với ý muốn của người phụ nữ.

Tính chung, 9,0% phụ nữ đã từng bị bạo lực tình dục do người khác gây ra trong đời và 1,2% bị bạo lực này hiện thời (trong 12 tháng qua). Người gây bạo lực chủ yếu là bạn và người quen là nam giới.

Phụ nữ tuổi từ 20 đến 24 có tỷ lệ bị người khác bạo lực tình dục cao nhất kể từ năm 15 tuổi (18,0%) và thậm chí ở nhóm tuổi trẻ hơn (từ 15 đến 19 tuổi) có tỷ lệ bị bạo lực này cao nhất trong 12 tháng qua (5,4%) (Hình 7). Tỷ lệ bị người khác bạo lực tình dục hiện thời cho thấy xu hướng phụ nữ ở nhóm tuổi trẻ nhất có nhiều nguy cơ nhất.

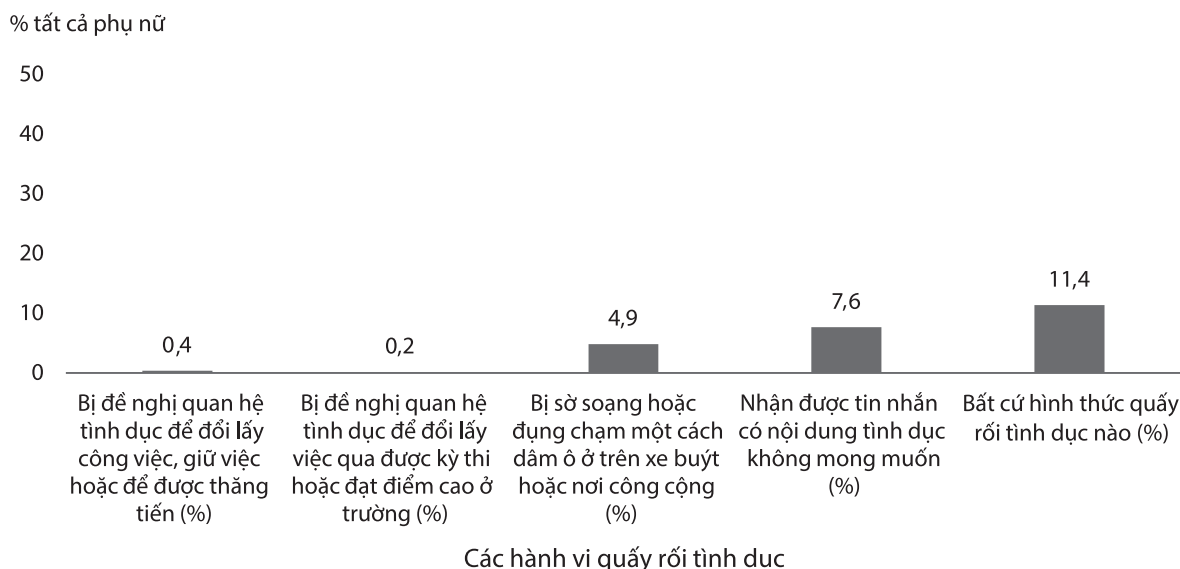
**Hình 7. Tỷ lệ bạo lực tình dục do người khác gây ra đối với phụ nữ từ năm 15 tuổi và 12 tháng qua, trong số tất cả phụ nữ, phân theo nhóm tuổi, Việt Nam 2019 (N=5.976)**



## Các hình thức quấy rối và lạm dụng tình dục khác

Phụ nữ tham gia khảo sát được hỏi liệu họ đã từng bị các hình thức quấy rối và lạm dụng tình dục ở nơi làm việc, trường học hoặc ở nơi công cộng hay không. Hơn một phần mười (11,4%) phụ nữ từng bị một hoặc nhiều loại quấy rối và lạm dụng tình dục (Hình 8). Hình thức bạo lực được đề cập nhiều nhất là nhận được tin nhắn không mong muốn với nội dung tình dục (7,6% phụ nữ đề cập), kể đến là bị sờ soạng hoặc bị động chạm dâm ô trên xe buýt hoặc ở những nơi công cộng khác (4,9%).

**Hình 8. Tỷ lệ phụ nữ bị quấy rối tình dục, trong số tất cả phụ nữ, Việt Nam 2019 (N=5.976)**



## Bị lạm dụng tình dục khi còn nhỏ (trước tuổi 15)

Phụ nữ được yêu cầu nhớ lại liệu họ có bị bất cứ hành vi lạm dụng tình dục nào khi còn nhỏ (trước tuổi 15) hay không. Các hành vi đó gồm việc có ai từng sờ soạng, hay bị bắt làm điều gì mang tính kích dục trái với ý muốn của họ. Vì đây là chủ đề đặc biệt nhạy cảm, nên phụ nữ được hỏi hai lần trong quá trình phỏng vấn. Lần thứ nhất trong khi phỏng vấn còn lần thứ hai là vào cuối cuộc phỏng vấn, họ có thể nêu vấn đề mà không cần nêu tên. Trong lần trả lời thứ hai, họ được trao một tấm thẻ với hình khuôn mặt vui vẻ và khuôn mặt buồn bã. Nếu như họ đã từng bị đụng chạm dâm ô, hoặc bị ép làm những hành động kích dục không muốn trước khi 15 tuổi, họ sẽ đánh dấu vào mặt buồn, còn ngược lại sẽ đánh dấu vào khuôn mặt vui.

Nhìn chung, 4,4% phụ nữ cho biết rằng họ đã bị xâm hại tình dục khi còn nhỏ theo kết quả tổng hợp của cả hai phương pháp - 4,0% sử dụng thẻ mặt buồn/vui vào cuối buổi phỏng vấn và 1,6% chia sẻ điều này khi được hỏi trong quá trình phỏng vấn. Phụ nữ thuộc nhóm trẻ tuổi có tỷ lệ bị xâm hại tình dục khi còn nhỏ cao nhất tập trung ở nhóm phụ nữ tuổi 30 đến 34 với tỷ lệ 6,5% (cao hơn tỷ lệ trung bình ở cả nước là 4,4%). Tỷ lệ này bằng hoặc thấp hơn mức trung bình cả nước ở nhóm phụ nữ từ 35 tuổi trở lên.

Bị xâm hại tình dục khi còn nhỏ ở nhóm phụ nữ khuyết tật (6,4%) cao hơn so với tất cả phụ nữ nói chung (4,4%).

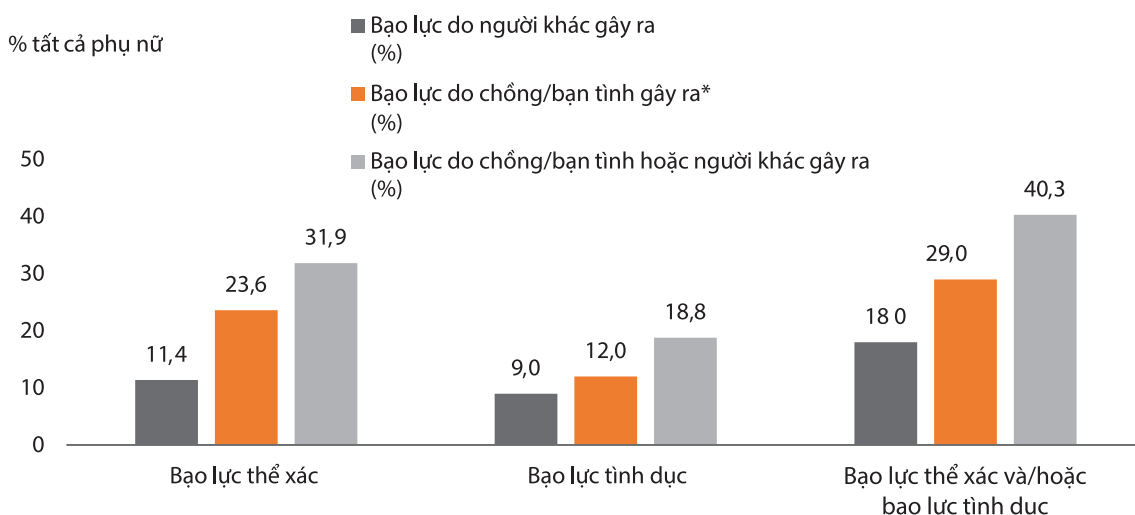
## So sánh bạo lực do chồng/bạn tình gây ra với bạo lực do người khác gây ra

Quan niệm sai lầm thường thấy trên thế giới là phụ nữ có nguy cơ bị bạo lực từ những người mà họ hầu như không biết chứ không phải là người họ biết rõ. Để tìm hiểu vấn đề này, một công cụ đo lường tỷ lệ bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục, bất kể người gây bạo lực là ai, được xây

dụng để hỏi tất cả những người tham gia trả lời phỏng vấn trong Điều tra này, bất kể họ đã từng có chồng/bạn tình hay chưa.

Chồng/bạn tình là người gây bạo lực thể xác và bạo lực tình dục đối với phụ nữ nhiều nhất. Tính chung, 40,3% phụ nữ ở Việt Nam từng bị bạo lực thể xác và/hoặc tình dục từ năm 15 tuổi do chồng/bạn tình hoặc người khác gây ra (Hình 9). Khi so sánh giữa hai nhóm này, phụ nữ Việt Nam có nguy cơ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác cao gấp đôi so với nguy cơ từ người khác gây ra. Bạo lực tình dục do chồng/bạn tình gây ra cũng phổ biến hơn nhiều so với bạo lực tình dục do người khác gây ra.

**Hình 9. So sánh tỷ lệ bạo lực do người khác gây ra và bạo lực do chồng/bạn tình gây ra từ năm 15 tuổi, trong số tất cả phụ nữ, Việt Nam 2019 (N=5.976)**

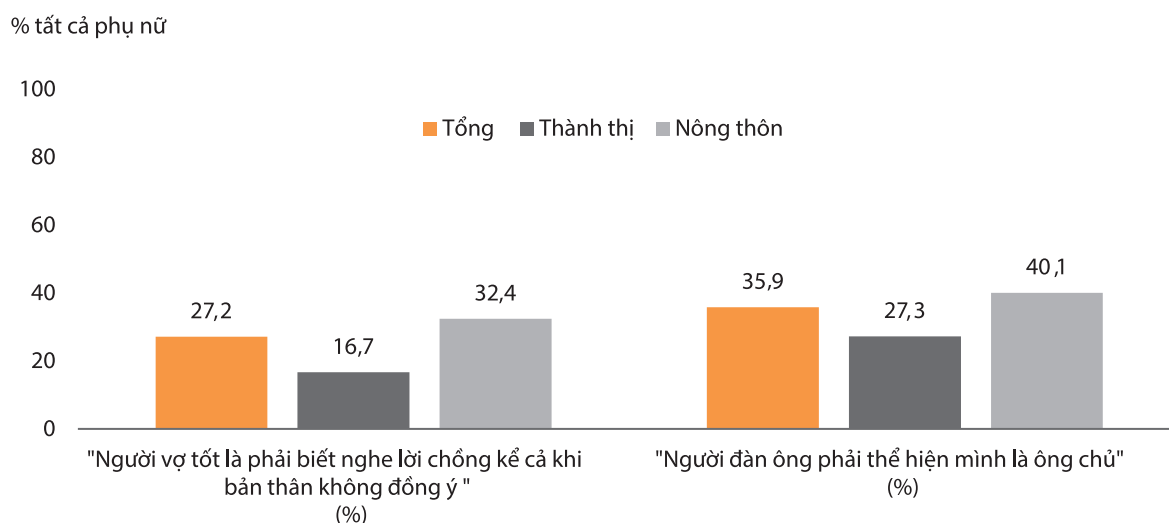


\* Tỷ lệ bạo lực do chồng/bạn tình gây ra ở hình này thấp hơn không đáng kể so với các con số ở các hình trước đó vì mẫu số trong hình này gồm tất cả phụ nữ, chứ không phải chỉ có những phụ nữ từng có chồng/bạn tình hoặc đã từng kết hôn.

### 3. THÁI ĐỘ VÀ NHẬN THỨC VỀ VẤN ĐỀ GIỚI VÀ BẠO LỰC DO CHỒNG/BẠN TÌNH GÂY RA

Khoảng một phần ba phụ nữ Việt Nam có quan điểm ủng hộ việc nam giới là người ra quyết định và là chủ gia đình (35,9%). Phụ nữ ở khu vực nông thôn ủng hộ quan điểm này nhiều hơn so với phụ nữ ở thành thị (Hình 10). Nhóm phụ nữ không đi học phổ thông hoặc có trình độ học vấn thấp thường đồng tình với những quan điểm có hại này. Mối liên hệ giữa thái độ và trình độ học vấn vẫn cho thấy những quan điểm có hại đó có thể giảm đi khi trình độ học vấn tăng lên.

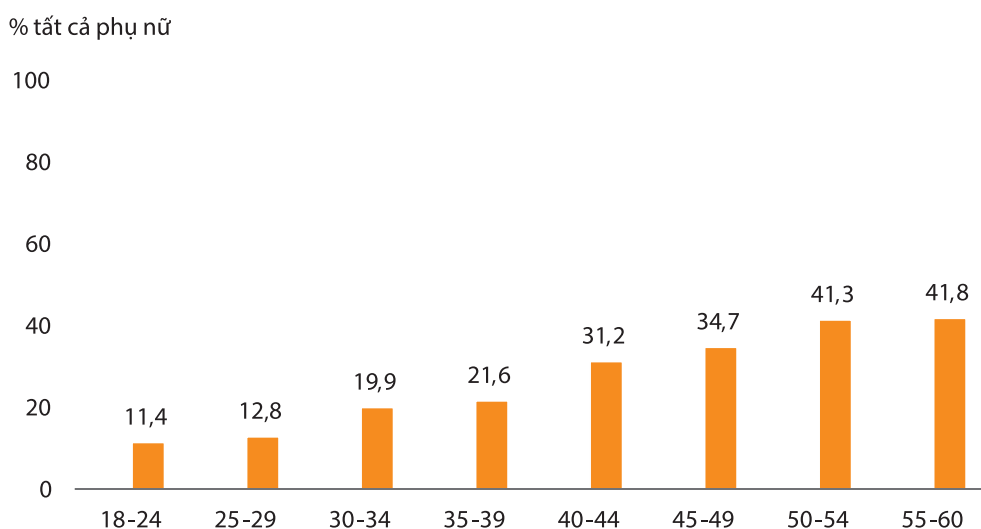
**Hình 10. Tỷ lệ phụ nữ đồng tình với một số nhận định cụ thể về vai trò giới, theo khu vực, Việt Nam 2019 (N=5.976)**



Dữ liệu định tính cho thấy có sự đồng tình chung rằng phụ nữ nên nghe lời chồng. Họ dùng từ “đón ý” của chồng (đáp lại ý kiến). Nghĩa là, mặc dù người phụ nữ không phải lúc nào cũng nghe lời chồng nhưng họ cũng không được thoải mái nếu không nghe lời. Phụ nữ cho biết họ sẽ hỏi ý kiến chồng và lắng nghe sở thích của chồng để đảm bảo rằng họ làm chồng vui, hoặc ít nhất cũng không làm chồng khó chịu. Thậm chí ở nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số theo chế độ mẫu hệ cũng cho biết họ không làm chồng khó chịu theo kiểu không nghe lời chồng, trừ khi đó là một ông chồng “tồi”.

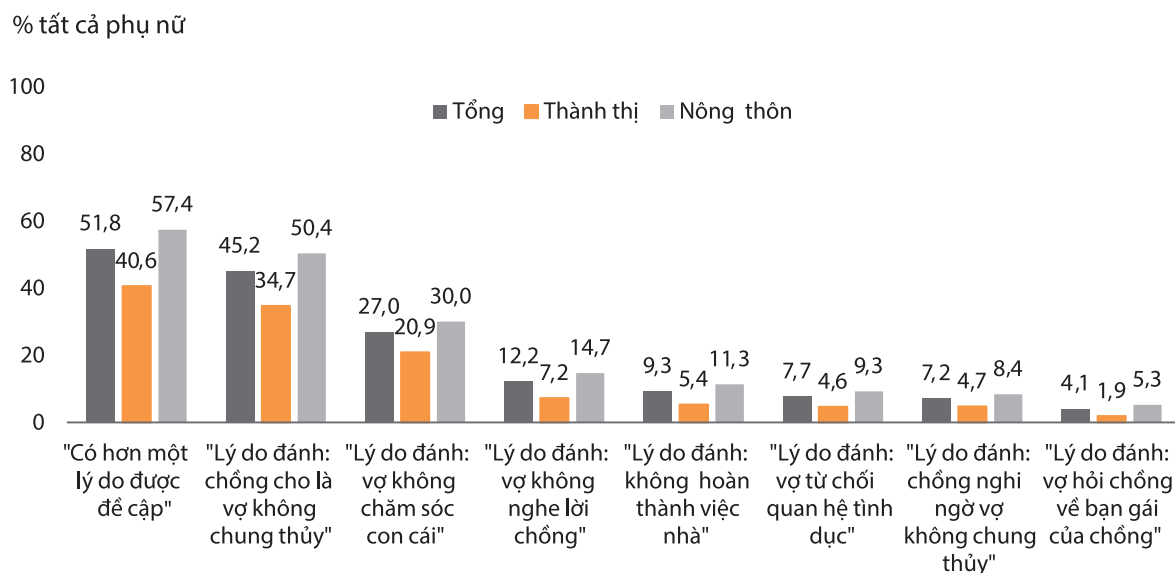
Sự thay đổi trong quan điểm về bất bình đẳng giới thể hiện rất rõ ở nhóm phụ nữ trẻ, cũng như ở nhóm phụ nữ có trình độ học vấn cao hơn, họ ít đồng tình với quan điểm này (Hình 11). Phân tích các kết quả theo nhóm tuổi cho thấy chỉ có một trên mười phụ nữ (11,4%) tuổi từ 18 đến 24 đồng tình với quan điểm “người vợ tốt nên nghe lời chồng” so với bốn trên mười phụ nữ từ 50 tuổi trở lên (41%) (Hình 11).

**Hình 11. Tỷ lệ phụ nữ đồng ý với quan điểm về “người vợ tốt phải nghe lời chồng kể cả khi bản thân không đồng ý”, trong số tất cả phụ nữ, phân theo nhóm tuổi, Việt Nam 2019 (N=5.976)**



Hơn một nửa số phụ nữ được phỏng vấn (51,8%) đồng ý với ít nhất một hoặc hơn một lý do rằng người chồng cũng có lý khi đánh vợ vì người vợ không chung thủy (45,2%), hoặc “không chăm sóc con cái” (27,0%) (Hình 12). Quan điểm này được nhóm phụ nữ có trình độ học vấn thấp và phụ nữ sống ở khu vực nông thôn ủng hộ nhiều hơn so với phụ nữ ở khu vực thành thị. Phụ nữ là nạn nhân của bạo lực cũng dễ tha thứ và biện minh hơn cho những hành vi bạo lực do chồng/bạn tình gây ra so với những phụ nữ không bị bạo lực.

**Hình 12. Tỷ lệ phụ nữ đồng ý việc nam giới đánh vợ/bạn tình là có “lý do chính đáng”, Việt Nam 2019 (N=5.976)**

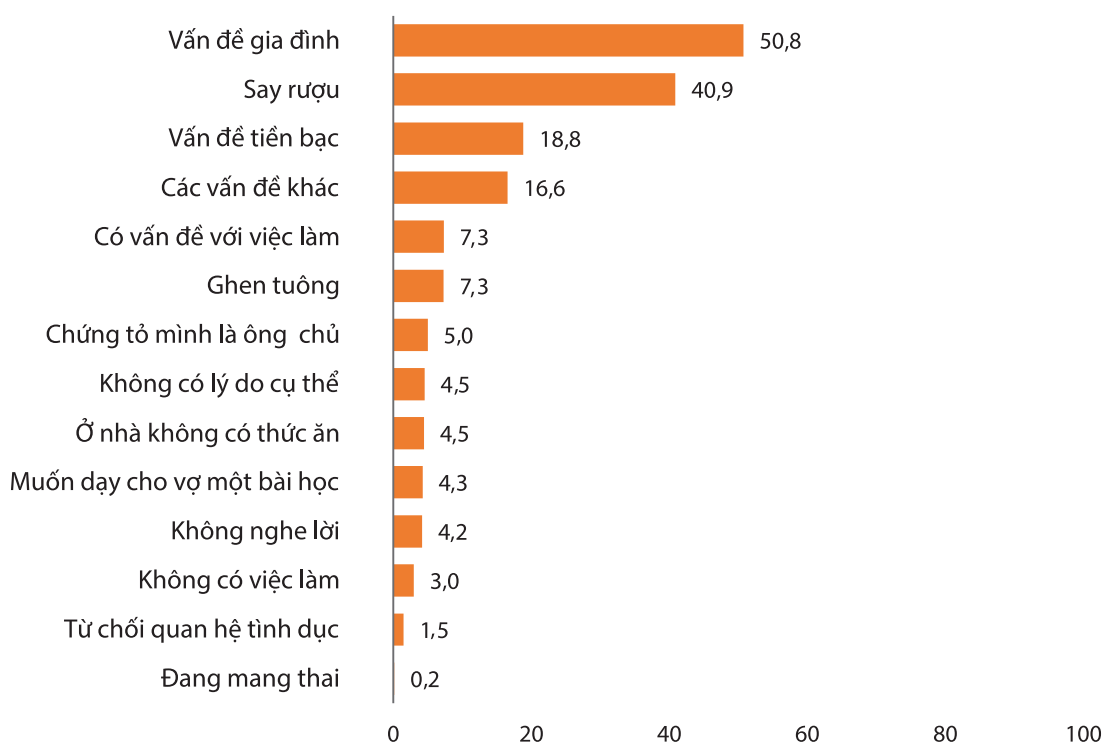


Những lý do được nêu ra để biện minh cho bạo lực được tìm hiểu trong phần thảo luận nhóm tập trung. Hầu hết những người tham gia đồng tình rằng bạo lực có thể lý giải được nếu vợ không chung thủy. Thậm chí họ còn dùng từ “phải đánh”. Theo họ, không chung thủy là giới hạn nghiêm trọng nhất mà người phụ nữ mắc phải.

Họ nói về một người phụ nữ không chung thủy bằng những từ như “*hu*”, “*đồ bỏ đi*”, “*không thể tha thứ*”. Họ bày tỏ quan điểm rằng những người phụ nữ không chung thủy nên bị trừng phạt. Một số người phản ứng mạnh đối với người phụ nữ không chung thủy và kiên quyết cho rằng “*nếu chồng cô ta không đánh, tôi sẽ bảo anh ta đánh cho cô ta một trận hoặc chính tôi sẽ đánh cô ta*”.

Những phụ nữ đã từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác được hỏi về hoàn cảnh hoặc tình huống dẫn đến hành vi bạo lực của chồng/bạn tình (Hình 13). Có nhiều lý do được nêu ra. Lý do được nhắc đến nhiều nhất là “*vấn đề gia đình*” (50,8%), “*say rượu*” (40,9%) và “*các vấn đề về tiền bạc*” (18,8%).

**Hình 13. Tỷ lệ phụ nữ tin vào lý do bị bạo lực thể xác do chồng/bạn tình gây ra, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình bị bạo lực, Việt Nam 2019 (N=1.471)**



Những lý do làm nảy sinh bạo lực được tìm hiểu ở phần nghiên cứu định tính. Uống rượu và khó khăn kinh tế được liệt kê là những lý do phổ biến nhất gây bạo lực trong nghiên cứu định tính. Ghen tuông và ngoại tình cũng là những lý do phổ biến khác dẫn đến bạo lực.

## 4. HẬU QUẢ CỦA BẠO LỰC DO CHỒNG/BẠN TÌNH GÂY RA ĐỐI VỚI PHỤ NỮ

Ảnh hưởng của bạo lực đối với phụ nữ thể hiện theo nhiều cách khác nhau. Bạo lực có thể ảnh hưởng tới sức khỏe, con cái và các khía cạnh khác trong đời sống hàng ngày của họ. Phụ nữ có thể bị thương tích về thể xác cũng như bị ảnh hưởng tiêu cực về sức khỏe tâm thần và khả năng kiếm thu nhập.

### Thương tích vì bị chồng/bạn tình bạo lực

Gần một phần tư (23,3%) phụ nữ từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục từng bị thương do bạo lực. Đa số những phụ nữ này bị thương nhiều hơn một lần và trong số này cứ năm phụ nữ thì có một phụ nữ (21,8%) đã từng bị chấn thương nhiều lần trong đời.

Gần một phần mười phụ nữ (8,0%) cho biết bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục gây thương tích cần được điều trị y tế. Trong số những phụ nữ cần được điều trị y tế do chấn thương, có hai phần ba (66,3%) trên thực tế đã được điều trị. Trong số những người đã được điều trị có gần một phần mười (9,2%) phải nhập viện do tình trạng chấn thương.

Gần một nửa (44,6%) phụ nữ Việt Nam tìm tới dịch vụ chăm sóc y tế do bị thương tích, đã khai báo cho nhân viên y tế rằng họ bị thương là do bị bạo lực.

### Ảnh hưởng tới sức khỏe tâm thần

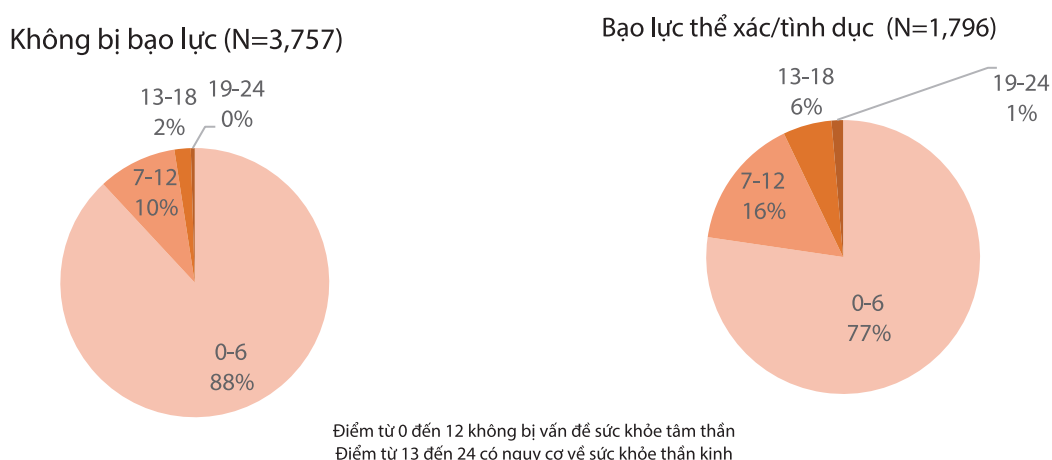
Điều tra năm 2019 sử dụng thang đo mức độ tổn thương tâm lý Kessler (K6+) để đo lường mối liên hệ giữa bạo lực do chồng/bạn tình gây ra và tình trạng tổn thương tâm lý. Người tham gia trả lời



các câu hỏi theo thang đánh giá sẽ nhận các mức điểm từ 0 đến 24. Những người ở mức điểm từ 13 đến 24 được phân vào nhóm có khả năng có bệnh lý về sức khỏe tâm thần nghiêm trọng, còn những ai có mức điểm từ 0 đến 12 được cho là có xác suất không có các bệnh lý về sức khỏe tâm thần nghiêm trọng<sup>10</sup>.

Những phụ nữ đã từng bị chồng/ bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục có nhiều khả năng nằm ở mức điểm được cho là có nguy cơ về vấn đề sức khỏe tâm thần cao hơn gấp 3 lần so với những phụ nữ chưa từng bị chồng/ bạn tình bạo lực. So sánh số điểm theo thang đo K6+ (Hình 14) ta thấy có tỷ trọng lớn phụ nữ đã từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục có số điểm cao theo thang đo K6+ (7%), cao hơn so với con số chỉ có 2% phụ nữ chưa từng bị chồng/bạn tình bạo lực cùng ở mức điểm này.

**Hình 14. Tỷ lệ phụ nữ bị các vấn đề sức khỏe tâm thần dựa trên thang điểm Kessler, theo phụ nữ từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục, Việt Nam 2019 (N=5.553)**



## Ảnh hưởng tới sức khỏe tình dục và sức khỏe sinh sản

Tất cả phụ nữ được hỏi về sức khỏe tình dục và sức khỏe sinh sản, ví dụ họ đã từng bao giờ bị sảy thai hay chưa. Những phụ nữ đã mang thai được hỏi liệu họ có từng bị bạo lực trong thời kỳ mang thai hay không.

Những phụ nữ đã từng bị chồng/bạn tình bạo lực thường xuyên có nguy cơ bị sảy thai, thai chết lưu và nạo phá thai cao hơn so với phụ nữ không bị chồng/bạn tình bạo lực.

3,4% phụ nữ từng có thai đã bị đánh trong ít nhất một lần mang thai<sup>11</sup>. Ở lần mang thai gần nhất, hầu hết họ đều bị cha của đứa trẻ đánh (97,9%). Gần như cứ năm phụ nữ thì có một phụ nữ (18,2%) bị đá hoặc đâm vào bụng, gây nguy hại cho thai nhi.

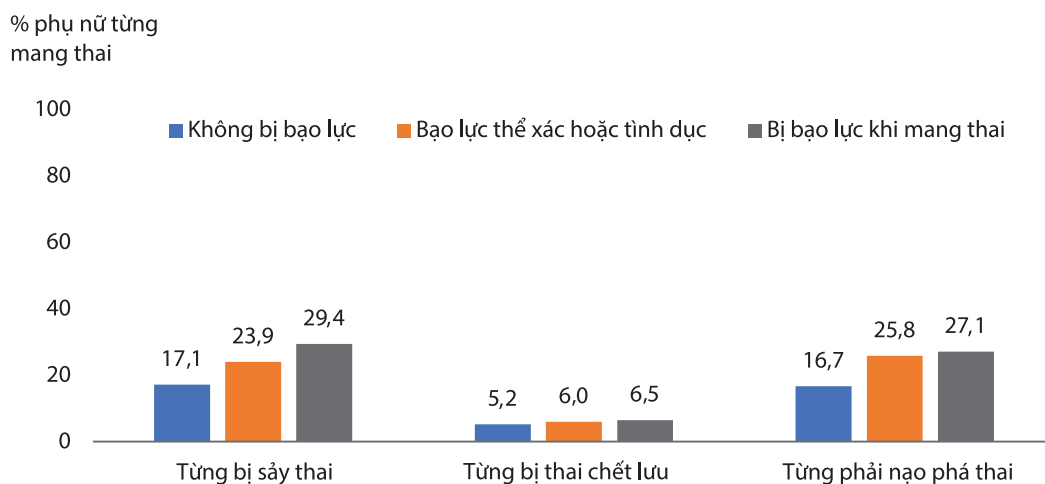
Tỷ lệ sảy thai cao hơn đáng kể ở nhóm những phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực (23,9%) so với những phụ nữ không bị bạo lực (17,1%), tỷ lệ này cao nhất nằm ở nhóm phụ nữ bị bạo lực trong thời gian mang thai (29,4%) (Hình 15). Các xu hướng về tỷ lệ phá thai giống như các trường hợp sảy thai. Mặc dù tỷ lệ thai chết lưu thấp, nhưng tỷ lệ này cao hơn ở nhóm phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực và bị bạo lực trong thời gian mang thai.

<sup>10</sup> Kessler RC, Green JG, Gruber MJ, Sampson NA, Bromet E, Cuitan M, Furukawa TA, Gureje O, Hinkov H, Hu CY, Lara C, Lee S, Mneimneh Z, Myer L, Oakley-Browne M, Posada-Villa J, Sagar R, Viana MC & Zaslavsky AM. 2010. Sàng lọc các bệnh tâm thần nghiêm trọng trong Tổng thể Dân cư với thang đo K6: kết quả từ Sàng kiến điều tra Sức khỏe tâm thần WHO (WMH), Tạp chí quốc tế về các phương pháp nghiên cứu tâm thần, Tập 19: 4-22.

<sup>11</sup> Mặc dù chỉ có ít phụ nữ cho biết họ đã bị bạo lực trong thời kỳ mang thai (n=178), nhưng tất cả phụ nữ và thai nhi đều phải đối mặt với nguy cơ bị thương tăng lên.

Trong quá trình nghiên cứu định tính có một ví dụ về tác động của bạo lực đối với sức khỏe tình dục và sức khỏe sinh sản được một người phụ nữ chia sẻ, chị đã bị vợ tử cung sau khi bị chồng đá vào bụng. Chị đã bị băng huyết nghiêm trọng và phải nhập viện để phẫu thuật khẩn cấp.

**Hình 15. Tỷ lệ phụ nữ chịu hậu quả về sức khỏe sinh sản, theo tình trạng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục, trong số phụ nữ từng mang thai, Việt Nam 2019 (N=5.239)**

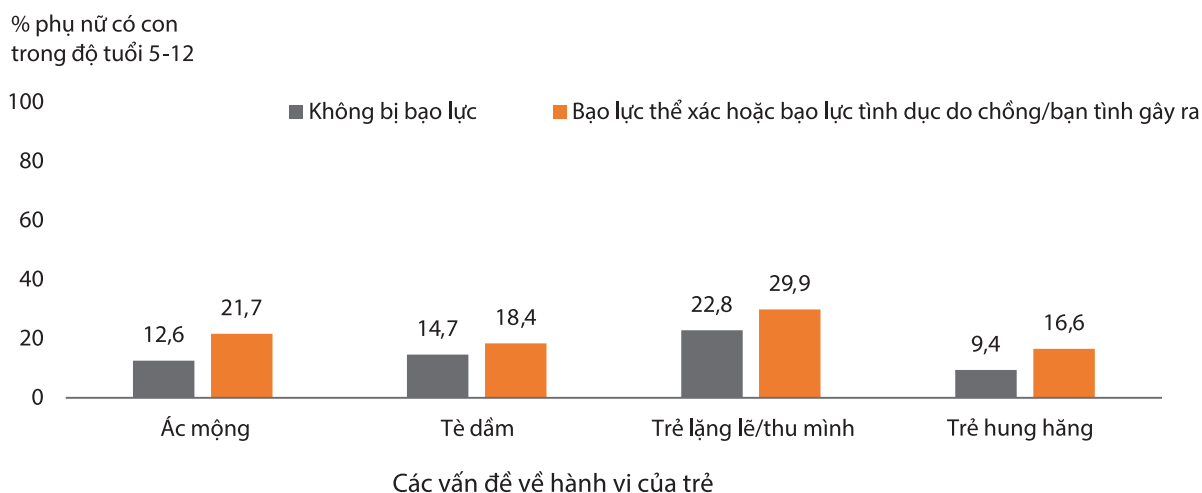


## 5. BAO LỰC TRẺ EM, NHỮNG KHÍA CẠNH BAO LỰC LIÊN THỂ HỆ

Trong cuộc điều tra, tất cả phụ nữ có con trong độ tuổi từ 5 đến 12 đều được hỏi về sức khỏe và đời sống của con cái họ, trước khi hỏi về tình hình bị bạo lực của họ.

Những phụ nữ đã từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục cho biết con cái họ gặp các vấn đề về hành vi như thường xuyên bị ác mộng, lặng lẽ một cách bất thường hoặc sống thu mình (Hình 16).

**Hình 16. Các vấn đề của trẻ trong độ tuổi 5 -12, theo lời kể của phụ nữ có con trong nhóm tuổi này, từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục, Việt Nam 2019 (N=2.338)**

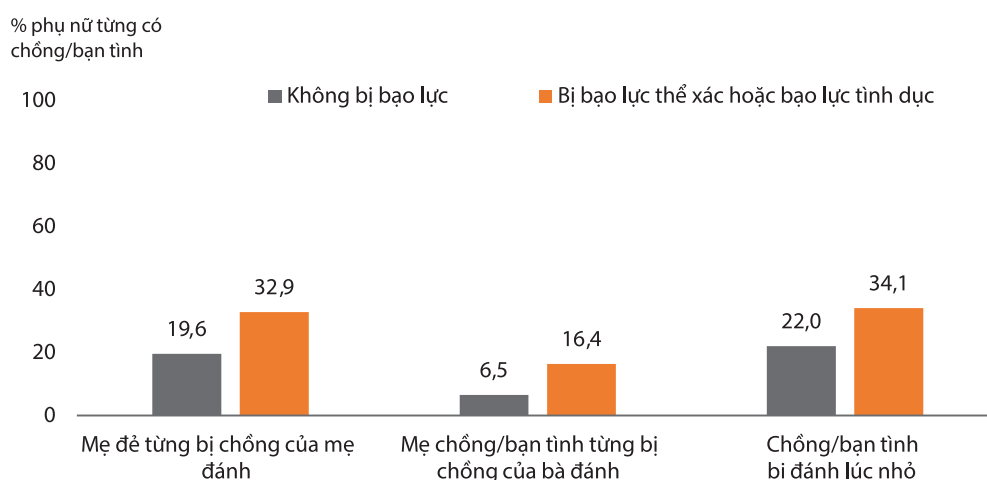


Trong số những phụ nữ đã bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác, đa số cho biết con cái họ đã từng chứng kiến hoặc nghe thấy bạo lực (61,4%).

Trong nghiên cứu định tính với những nạn nhân bị bạo lực, phụ nữ thừa nhận rằng con cái họ đã chứng kiến bạo lực. Mặc dù nghiên cứu định tính không tập trung vào đo lường tác động của bạo lực đối với sức khỏe của con cái, các ý kiến của người tham gia phỏng vấn cho thấy rằng họ ngờ rằng việc chứng kiến bạo lực có tác động tiêu cực lên con cái.

Những phụ nữ Việt Nam đã từng bị chồng/bạn tình bạo lực thường từng lớn lên trong một gia đình bạo lực hoặc chồng/bạn tình của họ đã từng chứng kiến cảnh bạo lực và/hoặc bị bạo lực do cha của người đó gây ra khi còn nhỏ (Hình 17).

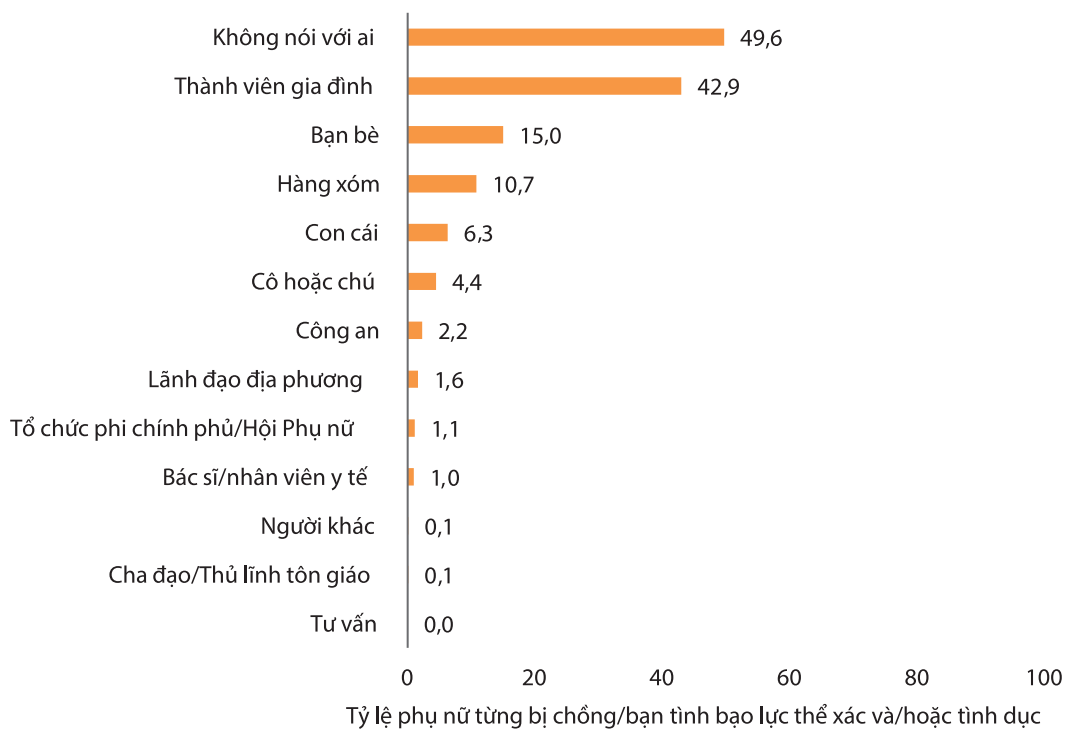
**Hình 17. Tỷ lệ bạo lực đối với mẹ đẻ, mẹ chồng/mẹ bạn tình và chính chồng/bạn tình khi còn nhỏ, theo lời kể của những phụ nữ từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục, Việt Nam 2019 (N=5.553)**



## 6. CÁCH PHỤ NỮ ĐỐI PHÓ VÀ ỨNG PHÓ VỚI VIỆC BỊ CHỒNG/BẠN TÌNH BẠO LỰC

Một nửa (49,6%) số phụ nữ từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục không kể cho bất cứ ai về việc này (trước khi được phỏng vấn). Nếu phụ nữ từng kể với ai đó về việc bị chồng/bạn tình bạo lực, thì họ thường kể với các thành viên trong gia đình (Hình 18).

**Hình 18. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục trong đời, không kể với ai, có kể với người khác và/hoặc nơi cung cấp dịch vụ về việc họ bị bạo lực, Việt Nam 2019 (N=1.791)**



Lưu ý: Những người trả lời đã kể về việc mình bị bạo lực có thể đã kể với nhiều người và vì vậy tổng giá trị có thể vượt quá 100%.

Nghiên cứu định tính tìm hiểu cách phụ nữ tìm sự giúp đỡ. Phụ nữ thường đề cập rằng khi nạn nhân kể với ai đó về việc mình bị bạo lực, người họ chia sẻ chủ yếu là thành viên trong gia đình nhà chồng như cha mẹ, anh trai hoặc chị gái chồng, chứ không kể với người của gia đình bên ngoài. Theo họ, người phụ nữ nói chuyện với gia đình nhà chồng với hy vọng những người đó có thể can thiệp và ngăn chặn bạo lực. Tuy nhiên, nếu người phụ nữ biết rằng gia đình nhà chồng sẽ đứng về phía chồng và đổ lỗi cho cô ấy thì cô ấy sẽ không nói chuyện với gia đình chồng.

Phụ nữ không muốn thông báo cho người thân của gia đình mình, đặc biệt là bố mẹ đẻ, vì họ thường sống quá xa để có thể can thiệp. Họ cũng nhấn mạnh quan niệm rằng phụ nữ có chồng thì thuộc về gia đình nhà chồng. Phụ nữ chỉ nói với bố mẹ đẻ khi vấn đề rất nghiêm trọng, khi cô ấy muốn bỏ chồng và về sống với bố mẹ đẻ, hoặc ly hôn.

Một rào cản khác khiến phụ nữ không muốn kéo gia đình bên ngoài vào cuộc vì họ muốn giữ 'thể diện' cho chồng. Phụ nữ tham gia PVS và thảo luận nhóm đều nói rằng họ sợ nếu họ nói với bố mẹ đẻ hoặc các thành viên khác bên gia đình nhà mình về bạo lực, mọi người trong gia đình mình sẽ 'ghét' hoặc 'không thích' chồng mình nữa. Quan niệm này có thể xuất phát từ nhận thức truyền thống rằng người vợ cần làm cho chồng mát mặt theo thành ngữ của Việt Nam "Giàu vì bạn, Sang vì vợ".

*Chị biết không, gia đình tôi ở rất xa. Mọi người ở đây đều biết trường hợp của tôi nên tôi chán việc trốn chạy và tiếp tục chịu đựng. Tuy nhiên, tôi giấu anh chị em của mình. – PVS 22, một phụ nữ 47 tuổi.*

Hầu hết những phụ nữ (90,4%) từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục không tìm kiếm sự giúp đỡ từ cơ quan cung cấp dịch vụ nhà nước. Những người từng tìm kiếm sự giúp đỡ thường tìm đến công an (4,8% trong số những phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục), lãnh đạo địa phương (3,6%), bệnh viện hoặc nhân viên y tế (2,3%), tòa

án hoặc trung tâm trợ giúp pháp lý (2,3%) hoặc Hội phụ nữ (2,3%). Dưới 1% phụ nữ đề cập đến việc tìm kiếm sự giúp đỡ của nhà tạm lánh.

Lý do chính mà phụ nữ lý giải cho việc không tìm kiếm sự giúp đỡ đó là họ nghĩ rằng “bạo lực là bình thường hoặc không nghiêm trọng” (trong số 49,7% phụ nữ không tìm kiếm sự giúp đỡ). Phụ nữ thường tìm kiếm sự giúp đỡ khi họ không thể chịu đựng bạo lực thêm nữa (69,7% phụ nữ đã tìm sự trợ giúp đưa ra lý do này).

Nghiên cứu định tính bổ trợ cho các kết quả định lượng và đưa ra ví dụ để giải thích lý do tại sao phụ nữ không tìm kiếm sự giúp đỡ. Những người phụ nữ bị bạo lực không thích trình báo vụ việc bạo lực cho các cơ quan chính quyền tại địa phương. Những phụ nữ tham gia vào Điều tra, cả những người được biết là bị bạo lực và những người không được biết có bị bạo lực hay không, đã chỉ trích những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực khi họ trình báo vụ việc bạo lực. Họ cho rằng có thể trình báo vụ việc bạo lực nhưng phải trong những điều kiện nhất định. Ví dụ, họ cho rằng phụ nữ chỉ nên trình báo các vụ việc bạo lực nghiêm trọng hoặc khi nạn nhân không thể chịu đựng được bạo lực hơn nữa. Một phụ nữ mà trình báo vụ việc mỗi lần bị bạo lực sẽ không được coi là một người phụ nữ tốt. Quan điểm này được giải thích liên quan đến quan niệm rằng phụ nữ nên “nhịn” và “chịu đựng” bạo lực do chồng hoặc bạn tình lâu năm gây ra. Những người phụ nữ, bao gồm cả nạn nhân bạo lực, đã coi “nhịn” là một phẩm chất quan trọng của người phụ nữ. Họ tin rằng một người phụ nữ tốt nên chịu đựng vì lợi ích của gia đình và uy tín của người chồng mình.

Khi phụ nữ quyết định trình báo về bạo lực và yêu cầu hỗ trợ, đa phần họ tìm đến công an. Lý do họ trình báo công an là khi họ biết rằng việc chồng/bạn tình bạo lực với họ là vi phạm luật pháp và do đó họ trình báo với công an để bên hành pháp có thể giúp đòi lại công lý cho mình.

Một số phụ nữ đã tìm đến công an để nhờ giúp đỡ khi họ không thể tự chấm dứt bạo lực và cũng thấy rằng họ không thể trông cậy vào bất cứ ai trong gia đình chồng giúp đỡ. Họ có thể trình báo với chính quyền địa phương nếu họ quyết định ly hôn hoặc nếu mức độ bạo lực rất nghiêm trọng.

Gần một phần năm phụ nữ (19,3%) bị chồng/bạn tình bạo lực phải bỏ nhà đi ít nhất một lần vì bị bạo lực. Phụ nữ bỏ nhà đi trong khoảng thời gian trung bình là 20 ngày. Đa số phụ nữ đến ở nhờ nhà người thân. Không có người phụ nữ nào đề cập đến việc ở lại nhà tạm lánh.

Phụ nữ thường trở về nhà sau khi đã bỏ đi vì họ không muốn rời bỏ con cái (50,4%), chồng/bạn tình yêu cầu họ quay về (26,0%) và/hoặc họ tha thứ cho anh ta (25,5%).

Hầu hết phụ nữ (80,8%) từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác nói rằng họ chưa bao giờ dám đánh lại.

## 7. THIẾT HẠI KINH TẾ DO BẠO LỰC ĐỐI VỚI PHỤ NỮ

Có ba loại thiệt hại kinh tế được ước tính dựa trên dữ liệu điều tra, gồm:

1. Chi phí trực tiếp như liên quan đến nằm viện hoặc sửa chữa, thay thế tài sản bị hư hỏng/phá hủy trong gia đình;
2. Chi phí cơ hội do bị bỏ lỡ công việc có lương hoặc công việc không lương và chồng/bạn tình phải nghỉ làm; và
3. Thiệt hại năng suất lao động cho nền kinh tế Việt Nam.

Bình quân phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực trong 12 tháng qua đã bị mất 9.426.500 Việt Nam Đồng (VND) do hệ quả trực tiếp do bị bạo lực, tương đương với một phần tư thu nhập hàng năm của họ.

Những phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thường giảm 30,8% thu nhập hàng năm so với phụ nữ không bị bạo lực.

Tổng thiệt hại năng suất lao động của Việt Nam do chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục đối với phụ nữ trong độ tuổi từ 15 đến 64 lên đến 100.507 tỷ đồng, tương đương với 1,81% GDP năm 2018.

Mức thiệt hại năng suất lao động này tương đương với mức ước tính của nghiên cứu năm 2012 về thiệt hại kinh tế do bạo lực gia đình ở Việt Nam - khoảng 1,91% GDP năm 2010.

## 8. NHỮNG YẾU TỐ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN BẠO LỰC PHỤ NỮ DO CHỒNG/BẠN TÌNH GÂY RA

Các yếu tố rủi ro - các đặc điểm liên quan đến người phụ nữ và chồng/bạn tình của họ, có thể dẫn đến việc chồng/bạn tình gây bạo lực trong 12 tháng qua - đã được phân tích. Phép phân tích hồi quy logistic đa biến được sử dụng để xác định các đặc điểm rủi ro, sử dụng số liệu từ bộ mẫu nhỏ gồm 4.240 phụ nữ đã tham gia trong điều tra hộ gia đình. Chỉ những phụ nữ hiện đang có chồng/bạn tình hoặc có chồng/bạn tình gần đây nhất bị bạo lực được chọn nghiên cứu (không chọn những phụ nữ chỉ bị bạo lực do chồng/bạn tình trước gây ra). Lựa chọn như vậy vì chỉ thu thập số liệu về đặc điểm của chồng/bạn tình hiện tại hoặc gần đây nhất.

Ở cấp độ cá nhân, phụ nữ nhiều tuổi hơn và có việc làm thì nguy cơ bị bạo lực thấp hơn. Phụ nữ có nguy cơ bị bạo lực cao hơn nếu chỉ có trình độ tiểu học, thậm chí cao hơn cả những phụ nữ không đi học. Các yếu tố rủi ro cũng cao hơn đối với nhóm phụ nữ đã từng trải qua các hình thức khác của bạo lực bao gồm bạo lực thể xác và bạo lực tình dục do người khác gây ra; quan hệ tình dục lần đầu không mong muốn, do bị ép buộc hoặc cưỡng ép và chứng kiến mẹ bị đánh đập. Và khi phụ nữ khoan dung hơn đối với hành vi đánh vợ, những yếu tố nguy cơ bị bạo lực cũng cao hơn.

Trong số các đặc điểm nhân khẩu - xã hội của chồng/bạn tình, chỉ có trình độ học vấn có liên quan đáng kể với bạo lực do chồng/bạn tình gây ra - trình độ học vấn của chồng/bạn tình càng cao thì nguy cơ bạo lực do chồng/bạn tình gây ra càng thấp.

Các đặc điểm hành vi của người chồng/bạn tình và việc chồng/bạn tình bị bạo lực từ nhỏ có mối liên quan chặt chẽ nhất với bạo lực do chồng/bạn tình gây ra. Các đặc điểm như chồng/bạn tình uống rượu, đánh lộn với người đàn ông khác, ngoại tình và thể hiện hành vi nam tính có hại có quan hệ chặt chẽ với nguy cơ bị bạo lực cao hơn. Ngoài ra, việc chứng kiến và bị bạo lực liên thế hệ như khi mẹ chồng/mẹ bạn tình bị ngược đãi và khi chồng/bạn tình bị bạo lực khi còn nhỏ có liên quan chặt chẽ với nguy cơ bị bạo lực cao hơn. Những phát hiện này tương tự như kết quả của Điều tra năm 2010.

## 9. SO SÁNH GIỮA ĐIỀU TRA NĂM 2010 VÀ ĐIỀU TRA NĂM 2019

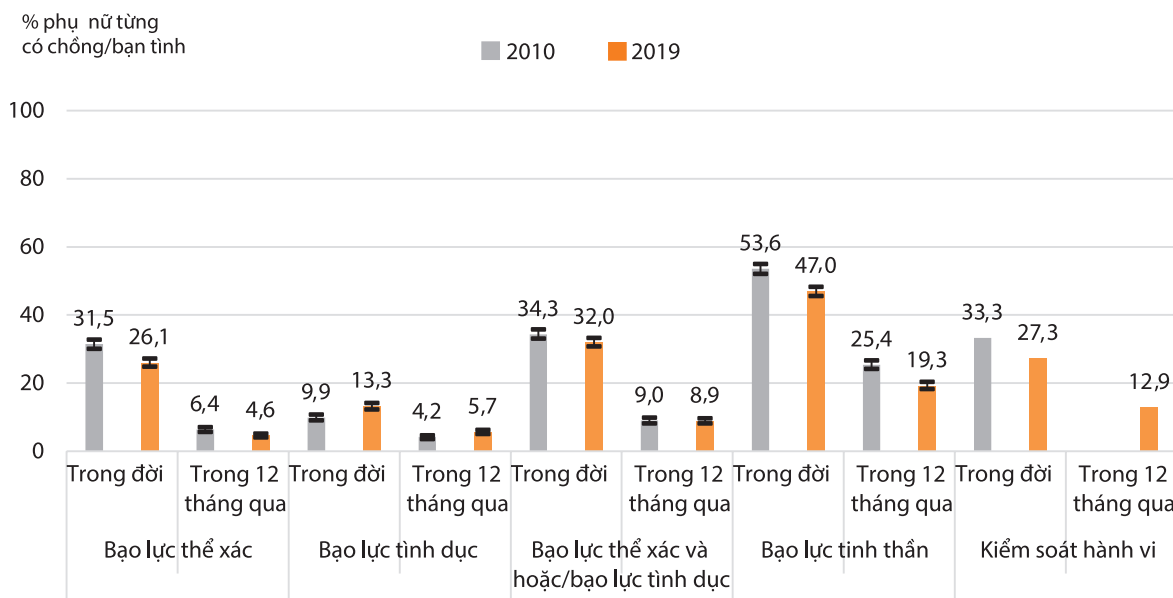
Như đã đề cập ở trên, thiệt hại kinh tế do bạo lực gây ra và những yếu tố rủi ro liên quan đến bạo lực trong thực tế đã không thay đổi trong thập kỷ qua. So sánh đối chiếu để xem tỷ lệ bạo lực có thay đổi hay không?

### Tỷ lệ bạo lực<sup>12</sup>

So sánh kết quả của hai cuộc điều tra, ngoại trừ tình trạng bạo lực tình dục, tỷ lệ bạo lực ở tất cả các hình thức năm 2019 đều thấp hơn so với năm 2010 (Hình 19). Các hình thức bạo lực này bao gồm: bạo lực thể xác, bạo lực tinh thần, kiểm soát hành vi (hai hình thức cuối này là thành phần của bạo lực tâm lý) cũng như tổng hợp đo lường bạo lực thể chất và/hoặc bạo lực tình dục. Tỷ lệ bạo lực tình dục do chồng/bạn tình gây ra năm 2019 cao hơn so với tỷ lệ này năm 2010 (tỷ lệ bạo lực trong đời lần lượt là 13% và 10%).

<sup>12</sup> Các câu hỏi về bạo lực kinh tế năm 2019 khác so với các câu hỏi năm 2010, do đó không thể so sánh với nhau (Xem Bảng 1).

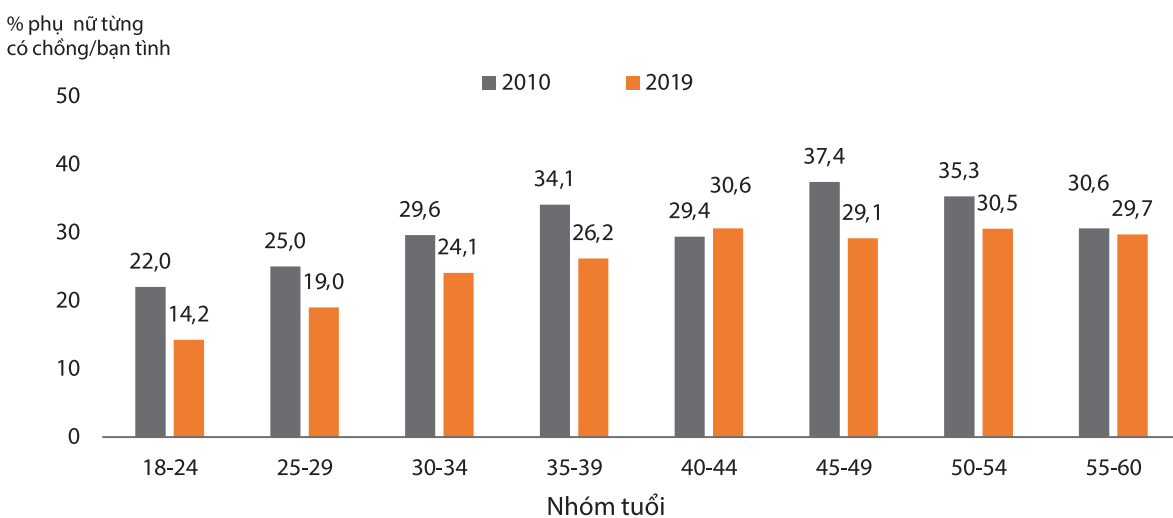
**Hình 19. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác, tình dục, thể xác và/hoặc tình dục, tinh thần và kiểm soát hành vi trong đời và trong 12 tháng qua, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, khoảng tin cậy trên, dưới 95%, Việt Nam 2010 (N=4.561, tuổi từ 18 - 60) và 2019 (N=5.553, tuổi từ 15 - 64)**



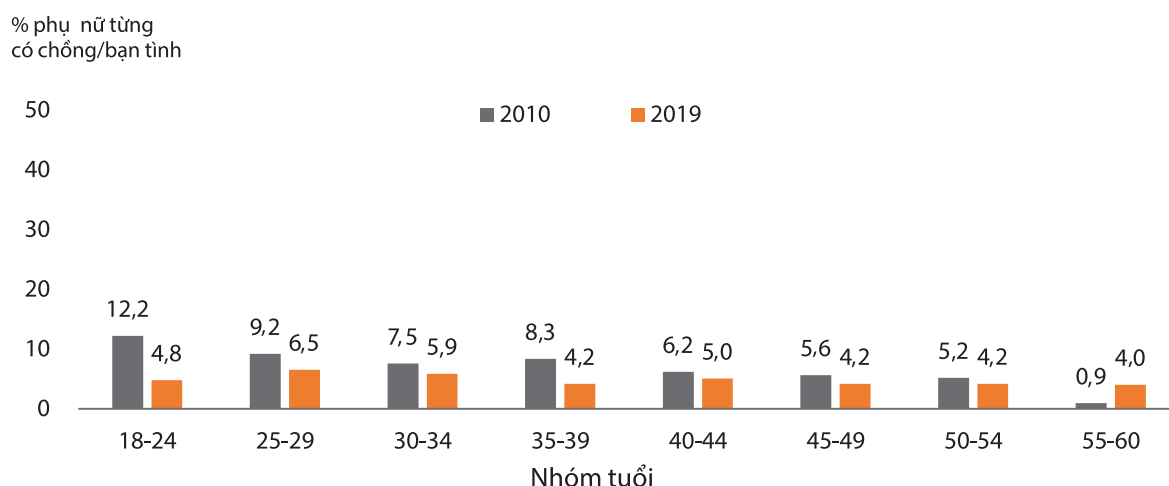
Lưu ý: Thông tin về kiểm soát hành vi “trong 12 tháng qua” không được thu thập trong Điều tra năm 2010. Khoảng tin cậy không được tính toán cho kiểm soát hành vi năm 2010 và năm 2019.

Khi quan sát tỷ lệ bạo lực theo nhóm tuổi: nhóm phụ nữ trẻ năm 2019 ít bị chồng/bạn tình bạo lực hơn nhóm phụ nữ lớn tuổi, điều này cho thấy những thay đổi có thể đang diễn ra theo chiều hướng tích cực (Hình 18 và Hình 19). Trong tương lai cần có điểm dữ liệu thứ ba để xác định đúng xu hướng về giảm bạo lực.

**Hình 20. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác trong đời, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, phân theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.561) và 2019 (N=5.553)**

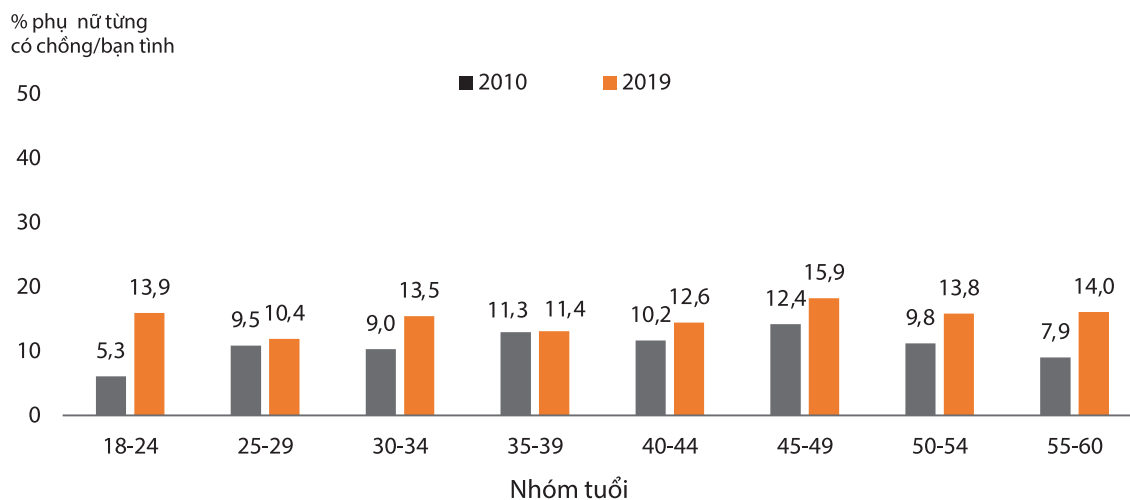


**Hình 21. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác trong 12 tháng qua, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, phân theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.561) và 2019 (N=5.553)**



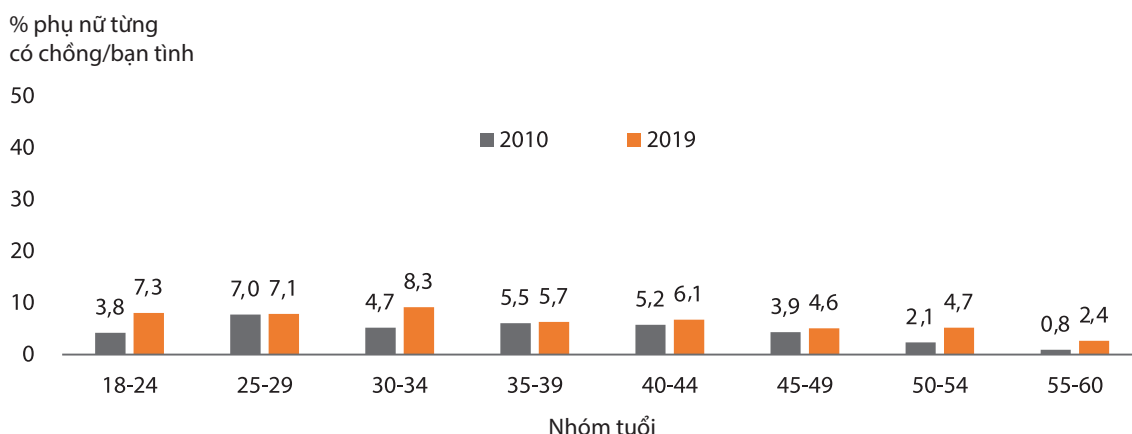
Tuy nhiên, cần lưu ý rằng xu hướng đối ngược ở hình thức bạo lực tình dục, đó là phụ nữ trẻ bị bạo lực tình dục với tỷ lệ tương đối cao. Đây có thể là một dấu hiệu cho thấy rằng xã hội đã trở nên cởi mở hơn khi nói về tình dục và bạo lực tình dục so với 9 năm trước, nhưng cũng cần có các nghiên cứu sâu hơn để hiểu rõ hơn về vấn đề này.

**Hình 22. Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực tình dục trong đời, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.561) và 2019 (N=5.553)**





**Hình 23: Tỷ lệ phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực tình dục trong 12 tháng qua, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình, theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.561) và 2019 (N=5.553)**



### Tìm kiếm sự trợ giúp khi bị chồng/bạn tình bạo lực

Năm 2019, phần lớn phụ nữ (90,4%) đã từng bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc bạo lực tình dục đã không tìm kiếm sự trợ giúp. Chỉ có một số ít (4,8%) tìm đến công an. Điều này gần như giống với kết quả năm 2010, hoặc hơi tệ hơn, khi 87,1% phụ nữ cho biết không nhờ đến sự hỗ trợ của chính quyền và chỉ có 5,2% tìm đến công an hoặc Ủy ban nhân dân nhờ giúp đỡ.

Cần lưu ý rằng các chính sách và can thiệp ứng phó với bạo lực chỉ mới được đưa ra trong khoảng thời gian tương đối ngắn. Điều tra này có thể không ghi nhận được một cách rõ ràng những thay đổi gần đây trong hành vi tìm kiếm sự hỗ trợ, vì các câu hỏi lại hỏi về việc tìm kiếm hỗ trợ ở bất kỳ thời điểm nào trong cuộc đời người phụ nữ; vấn đề này phức tạp hơn bởi thực tế ở Việt Nam, chỉ có rất ít phụ nữ tìm kiếm dịch vụ trợ giúp.

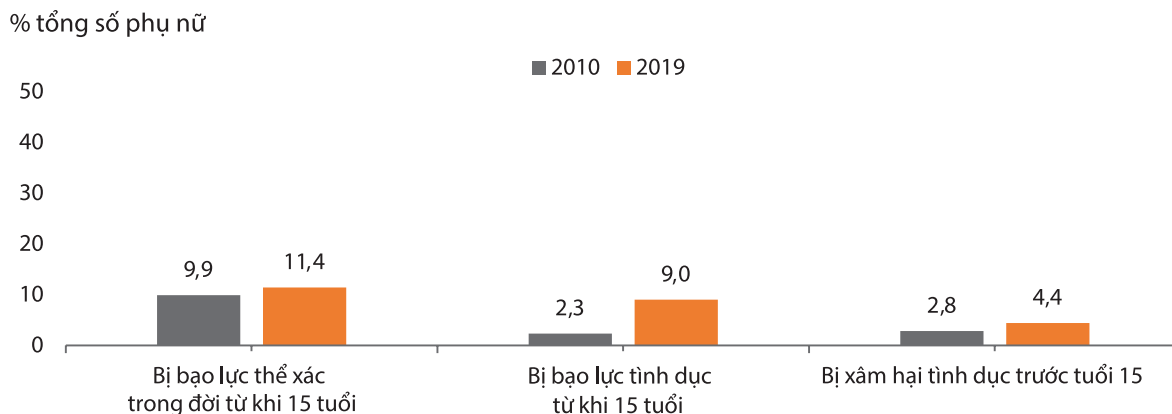
### Bạo lực do người khác chứ không phải là chồng/bạn tình gây ra

Hình 24 so sánh tỷ lệ bạo lực thể xác do người khác gây ra của năm 2010 và 2019. Tỷ lệ các hình thức bạo lực do người khác gây ra từ năm 15 tuổi năm 2019 cao hơn năm 2010. Tỷ lệ bị bạo lực thể xác do người khác gây ra năm 2019 (11,4% cho tất cả phụ nữ) cao hơn không nhiều so với năm 2010 (9,9%). Đáng chú ý, tỷ lệ bị bạo lực tình dục do người khác gây ra từ năm 15 tuổi năm 2019 là 9,6%, cao hơn đáng kể so với 2,3% năm 2010. Tỷ lệ bị xâm hại tình dục khi còn nhỏ dưới 15 tuổi năm 2019 cao gần gấp đôi (4,4%) so với năm 2010 (2,8%).

Như đã luận bàn về tỷ lệ bị chồng/bạn tình bạo lực, có thể sự khác biệt giữa hai cuộc điều tra là do có sự thay đổi phương pháp luận (đối với bạo lực tình dục năm 2019 có nhiều hành vi hơn được đưa vào các câu hỏi) và/hoặc tình trạng bạo lực này thực sự tăng. Sự khác biệt cũng có thể do nhận thức và hiểu biết về vấn đề này tăng lên, cũng như tâm lý sẵn sàng chia sẻ vấn đề bạo lực với ĐTV.

Cũng lưu ý rằng, năm 2010, tình trạng bị người khác bạo lực thể xác và tình dục chỉ tính từ năm 15 tuổi và không đo lường bạo lực trong 12 tháng qua.

**Hình 24. Tỷ lệ phụ nữ bị bạo lực thể xác và tình dục do người khác gây ra kể từ năm 15 tuổi và bị lạm dụng tình dục khi còn nhỏ (trước 15 tuổi), trong số tất cả phụ nữ, chia theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.836) và 2019 (N = 5.976)**

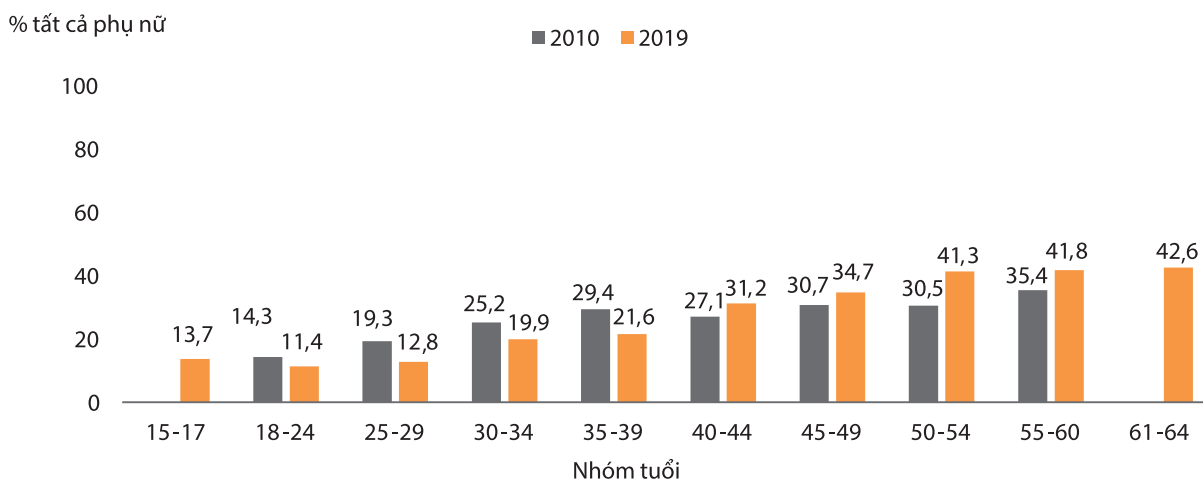


### Quan điểm, thái độ về bạo lực

Quan điểm, thái độ thường chậm thay đổi. Điều này thể hiện rõ ở tỷ lệ phụ nữ đồng tình với nhận định rằng “Một người vợ tốt phải nghe lời chồng cho dù bản thân không đồng ý”, tỷ lệ này năm 2019 tương tự như năm 2010 (27,0% phụ nữ đồng tình).

Đáng chú ý, khi nghiên cứu thái độ theo nhóm tuổi, sự khác biệt về thái độ của phụ nữ cho thấy có sự chuyển đổi mạnh mẽ và nhất quán giữa các thế hệ. Mặc dù tỷ lệ chung phụ nữ đồng ý rằng người vợ nên nghe lời người chồng cũng không khác nhiều 9 năm trước, nhưng khi tìm hiểu dữ liệu giữa các nhóm tuổi thì thấy rằng những phụ nữ trẻ tuổi có quan điểm tích cực hơn về quyền năng của họ so với phụ nữ lớn tuổi hơn. Có rất ít phụ nữ trẻ đồng ý rằng phụ nữ nên nghe lời chồng (11,4% phụ nữ từ 18 đến 24 tuổi so với 14,3% phụ nữ năm 2010). Số liệu năm 2019 cũng cho thấy có sự khác biệt lớn hơn về nhận định này giữa nhóm phụ nữ trẻ và nhóm phụ nữ cao tuổi hơn, từ đó có thể thấy rằng sự thay đổi quan điểm có thể đang diễn ra ở những người trẻ tuổi, có thể vì họ được tiếp cận nhiều hơn với các thông điệp tích cực hơn về bình đẳng giới (Hình 25). Phân tích kết quả theo nhóm tuổi cho biết quan điểm, thái độ đó còn tiếp tục thay đổi theo thời gian.

**Hình 25. Tỷ lệ tất cả phụ nữ đồng ý với nhận định “người vợ tốt nên nghe lời chồng cho dù bản thân không đồng ý”, chia theo nhóm tuổi, Việt Nam 2010 (N=4.836) và 2019 (N = 5.976)**

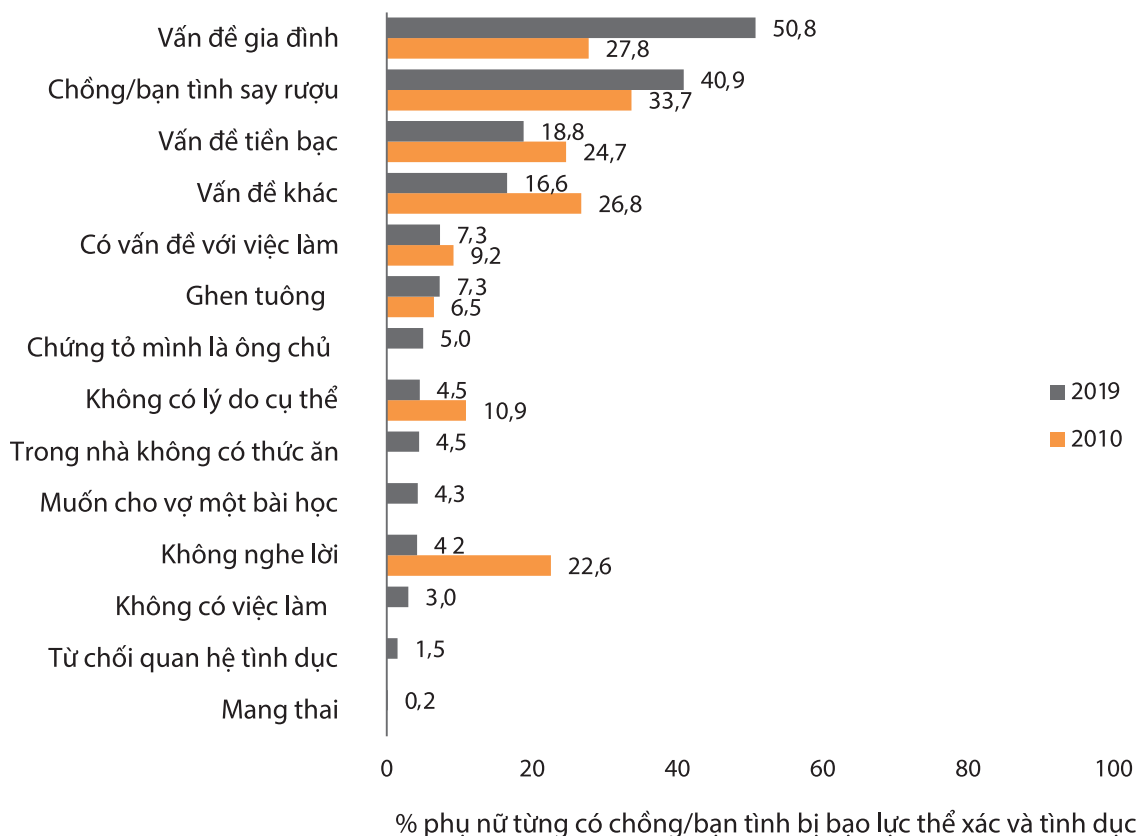


## Những lý do được cho là làm nảy sinh bạo lực do chồng/bạn tình gây ra

Nhận định về những lý do làm nảy sinh bạo lực do chồng/bạn tình gây ra đã thay đổi giữa hai cuộc điều tra (Hình 26). Trong khi bốn lý do hàng đầu được cho là giống nhau giữa năm 2010 và 2019, thì tỷ trọng phụ nữ đề cập đến các lý do này đã thay đổi.

Năm 2010, tình trạng say xỉn là lý do được nêu ra thường xuyên nhất (33,7%), sau đó là “vấn đề/mâu thuẫn gia đình” (27,8%) và “các vấn đề tiền bạc” (24,7%). Năm 2019, “vấn đề gia đình” (50,8%) được nêu ra nhiều nhất. Đáng chú ý, năm 2010, lý do “vợ không nghe lời” được một tỷ lệ lớn phụ nữ đề cập tới (22,6%) so với năm 2019 (4,2%). Đây là một phát hiện tích cực cho thấy năm 2019 phụ nữ ít tự đổ lỗi cho bản thân về việc họ đang bị bạo lực (kể cả việc họ nghĩ rằng họ đáng bị như vậy).

**Hình 26. Các lý do được cho là làm nảy sinh bạo lực thể xác do chồng/bạn tình gây ra, trong số phụ nữ từng có chồng/bạn tình và đã từng bị bạo lực, Việt Nam 2010 (N=1.393) và 2019 (N=1.471)**



## 10. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Bạo lực gia đình và các hình thức bạo lực phụ nữ khác đã ảnh hưởng đến nhiều phụ nữ ở Việt Nam với những hậu quả nghiêm trọng tác động lên chính họ và gia đình họ. Ngoại trừ bạo lực tình dục, tỷ lệ phụ nữ phải chịu các hình thức bạo lực khác nhau năm 2019 thấp hơn so với năm 2010, có thể là bằng chứng về các chính sách và chương trình đang phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, tỷ lệ bạo lực tình dục năm 2019 cao hơn so với năm 2010 và 2/3 phụ nữ vẫn phải chịu đựng một hoặc nhiều dạng bạo lực trong cuộc đời. Do vậy, cần nhận thấy rằng tỷ lệ thay đổi còn chậm, cần rất nhiều nỗ lực cụ thể để xóa bỏ bạo lực đối với phụ nữ tại Việt Nam.

Đồng thời, điều quan trọng là cần nhận ra sự thay đổi tích cực đã xảy ra trong 9 năm qua kể từ khi Điều tra lần thứ nhất được thực hiện. Nhóm phụ nữ trẻ tuổi hơn ít bị bạo lực thể xác và có thể có thái độ công bằng hơn đối với những chuẩn mực về giới và bạo lực do chồng/bạn tình gây ra. Khoảng cách giữa thực trạng bị bạo lực của phụ nữ lớn tuổi hơn và phụ nữ trẻ hơn dường như nới rộng hơn.

Một số phát hiện chính từ Điều tra quốc gia năm 2019 về bạo lực đối với phụ nữ được tóm tắt dưới đây gồm:

- Cứ 3 phụ nữ thì có gần 2 phụ nữ (62,9%) bị bạo lực thể xác, tình dục, tâm lý (tinh thần và kiểm soát hành vi) và/hoặc bị chồng/bạn tình bạo lực kinh tế ở một thời điểm nào đó trong đời và 31,6% bị bạo lực này trong 12 tháng qua.
- Trừ bạo lực tình dục, tỷ lệ bạo lực đối với phụ nữ năm 2019 thấp hơn so với năm 2010 và điều này đặc biệt đúng với nhóm phụ nữ trẻ. Bạo lực tình dục trong đời tăng từ 9,9% năm 2010 lên 13,3% trong năm 2019.
- Phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực nhiều hơn so với việc bị người khác bạo lực và chịu những hậu quả nghiêm trọng về sức khỏe, năng suất lao động và đời sống.
- Bạo lực thể xác do người khác gây ra chủ yếu là thành viên nam trong gia đình và/hoặc bạn/người quen là nam hoặc nữ trong khi đó bạo lực tình dục do người khác gây ra chủ yếu người gây bạo lực là người nam mới quen, bạn/người quen là nam giới hoặc người lạ là nam giới.
- Phụ nữ khuyết tật bị bạo lực do chồng/bạn tình gây ra (bạo lực thể xác, tình dục, tinh thần, kinh tế và kiểm soát hành vi) cao hơn so với phụ nữ không bị khuyết tật.
- Hơn một phần tư phụ nữ (27,2%) có quan điểm cho rằng người vợ tốt là phải nghe lời chồng cho dù bản thân không đồng ý - giống như kết quả Điều tra 2010 - nhưng thái độ của nhóm phụ nữ trẻ đang cải thiện hơn so với nhóm phụ nữ lớn tuổi.
- Những phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực có sức khỏe kém hơn và xác suất bị tổn thương tinh thần cao hơn. Họ dễ có khả năng bị sẩy thai, thai chết lưu và phá thai cao hơn những phụ nữ không bị bạo lực.
- Bằng chứng về những tác động liên thể hệ của bạo lực rất rõ ràng – phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực chia sẻ nhiều hơn về việc con cái họ có các vấn đề về hành vi, và những người chồng lớn lên trong gia đình có bạo lực là yếu tố nguy cơ cho cả bản thân phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực và nam giới lớn lên để trở thành người gây bạo lực.
- Tương tự cuộc Điều tra 2010, một nửa phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực thể xác và/hoặc tình dục nhưng không kể với ai về chuyện đó và hầu hết phụ nữ (90,4%) bị bạo lực do chồng/bạn tình không tìm kiếm bất kỳ sự hỗ trợ nào. Chỉ một trong mười phụ nữ (9,6%) tìm kiếm sự trợ giúp từ các dịch vụ công hay chính quyền và chỉ 4,8% tìm kiếm sự trợ giúp từ Công an.
- Thiệt hại kinh tế do bạo lực gây ra cho những phụ nữ bị bạo lực trong 12 tháng qua khá lớn, chiếm khoảng một phần tư thu nhập hàng năm để chi phí cho các khoản liên quan đến chăm sóc y tế và/hoặc thay thế đồ đạc bị hư hỏng/phá hủy. Cần nhấn mạnh rằng những thiệt hại về năng suất lao động quốc gia do bạo lực đối với phụ nữ gây ra tương đương với gần 1,81% GDP của Việt Nam năm 2018.
- Trình độ học vấn thấp (so với nhóm không đi học), không có việc làm, chồng/bạn tình thể hiện hành vi nam tính có hại (như uống rượu, đánh lộn với đàn ông khác, ngoại tình), và từng bị hoặc chứng kiến bạo lực khi còn nhỏ của chồng/bạn tình, là những đặc điểm đẩy người phụ nữ vào nguy cơ cao hơn bị chồng/bạn tình bạo lực.
- Sự nhất quán về kết quả giữa hai cuộc điều tra năm 2010 và 2019 với các phương pháp khác nhau của bạo lực cho thấy độ chắc chắn của nghiên cứu và là cơ sở bằng chứng có giá trị để Việt Nam xây dựng những chính sách và chương trình trong tương lai.

## Khuyến nghị

Năm 2019, phụ nữ bị chồng/bạn tình bạo lực ít hơn so với năm 2010 (đặc biệt là nhóm phụ nữ trẻ), tuy nhiên tỷ lệ bạo lực tình dục năm 2019 lại cao hơn. Cần phải có một nghiên cứu chuyên sâu để tìm hiểu kỹ hơn kết quả này. Tuy nhiên, hiện nay tại Việt Nam mặc dù có một số cải thiện, tình trạng bạo lực đối

với phụ nữ vẫn còn phổ biến với các ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của phụ nữ và trẻ em.

Để giải quyết bạo lực đối với phụ nữ một cách hiệu quả, cần có phương pháp tiếp cận liên ngành với sự tham gia của tất cả các cơ quan và tổ chức liên quan. Các khuyến nghị và gợi ý chính sách ở dưới đây được xây dựng trên cơ sở hợp tác giữa các bên liên quan ở Việt Nam. Chuyên gia của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan hướng dẫn nhóm nghiên cứu tổng hợp thành tập hợp khuyến nghị toàn diện để có các can thiệp phù hợp. Các khuyến nghị này dựa trên các bằng chứng thu thập từ những phát hiện của Điều tra 2019, kế thừa những khuyến nghị năm 2010, đáp ứng những ưu tiên của quốc gia và thực trạng bạo lực đối với phụ nữ hiện nay tại Việt Nam.

Các khuyến nghị được trình bày theo bốn nhóm trụ cột chiến lược chính sau: (1) Tăng cường cam kết và hành động quốc gia; (2) Thúc đẩy phòng ngừa bạo lực; (3) Xây dựng các biện pháp ứng phó phù hợp (dịch vụ, chương trình, v.v.) và (4) Hỗ trợ nghiên cứu, thu thập dữ liệu và hợp tác.

## **1. Tăng cường cam kết và hành động quốc gia (Chính sách)**

- 1.1. Tăng cường giám sát và theo dõi việc thực hiện hiệu quả các chính sách và luật pháp quốc gia về bình đẳng giới, ứng phó ngăn chặn bạo lực trên cơ sở giới và phù hợp với các cam kết quốc tế.
- 1.2. Rà soát, đánh giá, sửa đổi và bổ sung các chính sách và pháp luật hiện hành phù hợp với các cam kết quốc tế.
- 1.3. Rà soát, sửa đổi và bổ sung các chính sách và pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo tất cả các đối tượng đều được quan tâm và khả năng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ của các nhóm dễ bị tổn thương và các nhóm phải chịu đựng các hình thức bạo lực cụ thể (ví dụ bạo lực khi hẹn hò). Cần phân bổ thêm nguồn lực để tìm hiểu về các rào cản hạn chế phụ nữ tìm kiếm sự trợ giúp, đặc biệt các nhóm dễ bị tổn thương như người di cư, dân tộc thiểu số, thanh niên, người cao tuổi và phụ nữ khuyết tật.
- 1.4. Ban hành các chính sách thúc đẩy phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới thông qua việc tuyên truyền giáo dục cho cả nam giới và phụ nữ, đặc biệt là giới trẻ về quyền năng của phụ nữ, các mối quan hệ tôn trọng lẫn nhau và các chuẩn mực xã hội để đạt được bình đẳng giới.
- 1.5. Đảm bảo phân bổ nguồn lực đầy đủ và bền vững, đưa vào nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện hiệu quả các biện pháp can thiệp nhằm ngăn chặn bạo lực trên cơ sở giới, giảm thiểu tác động của bạo lực đối với phụ nữ và cải thiện hoạt động truy tố rằng người gây BLTCSG sẽ không được miễn hình phạt
- 1.6. Giao cơ quan quản lý nhà nước về bình đẳng giới chủ trì điều phối công tác phòng ngừa và ứng phó BLTCSG, bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái.

## **2. Tăng cường phòng ngừa bạo lực (phòng ngừa sớm trước khi bạo lực xảy ra cũng như chấm dứt bạo lực)**

- 2.1. Thừa nhận những mối liên hệ giữa BLTCSG và bình đẳng giới, xây dựng, thực hiện và giám sát các chương trình nhằm ngăn chặn BLTCSG thông qua thúc đẩy bình đẳng giới, đặc biệt là thông qua việc nâng cao nhận thức của người dân và tăng cường sự tham gia của cộng đồng.
- 2.2. Tối đa hóa hợp tác và điều phối liên ngành nhằm tiếp tục tăng quyền năng một cách thực chất cho phụ nữ để họ có thể giải quyết bạo lực trong đời thông qua đào tạo kỹ năng sống, các nhóm tự lực, giáo dục, đào tạo nghề, trợ giúp pháp lý và hỗ trợ tài chính.

## **3. Xây dựng và triển khai các giải pháp ứng phó và can thiệp phù hợp, hiệu quả và chất lượng cao**

- 3.1. Tăng cường và điều phối liên ngành và huy động các lãnh đạo cộng đồng và chính quyền địa phương tham gia ứng phó bạo lực đối với phụ nữ, thúc đẩy bình đẳng giới, đặc biệt thông qua

việc nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan chức năng thực hiện ứng phó đối với hành vi BLTCSG và hỗ trợ nạn nhân.

- 3.2. Rà soát các mô hình can thiệp hiện tại.
- 3.3. Tăng cường triển khai “gói dịch vụ thiết yếu” về các dịch vụ phòng ngừa, điều trị và hỗ trợ cho nạn nhân BLTCSG, dễ tiếp cận và có thể chi trả được cho tất cả mọi người.
- 3.4. Đánh giá tiến độ và tiếp tục cải thiện biện pháp ứng phó của ngành y tế và các ngành liên quan khác trong việc xử lý các tác động khác nhau của bạo lực đối với phụ nữ.
- 3.5. Tăng cường năng lực cho các cán bộ có liên quan của ngành LĐTBXH để nâng cao khả năng điều phối hiệu quả công tác phòng ngừa và ứng phó với BLTCSG/bạo lực với phụ nữ và trẻ em.
- 3.6. Tiếp tục tăng cường năng lực của hệ thống hành pháp và tư pháp để thực thi chính sách và pháp luật về BLTCSG qua các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức, thực hiện quy trình vận hành chuẩn và các cơ chế trách nhiệm giải trình.

#### **4. Hỗ trợ nghiên cứu, thu thập dữ liệu và hợp tác để giải quyết bạo lực trên cơ sở giới**

- 4.1. Tiến hành rà soát các kinh nghiệm hay của quốc tế trong việc thực hiện các chương trình dành cho người gây bạo lực và người dân để có thể phòng ngừa và chấm dứt bạo lực, nhằm điều chỉnh và thử nghiệm thực hiện chương trình ở Việt Nam.
- 4.2. Chia sẻ dữ liệu Điều tra với cộng đồng học thuật ở Việt Nam cũng như các bên liên quan để khuyến khích sử dụng dữ liệu sẵn có phục vụ cho các nghiên cứu trong tương lai.
- 4.3. Tăng cường cơ sở bằng chứng phù hợp nhằm cải thiện chính sách, luật pháp và chất lượng dịch vụ của phòng ngừa và ứng phó với BLTCSG, phù hợp với điều kiện của Việt Nam thông qua việc tiếp tục nghiên cứu về lĩnh vực này.



